

ĐÔI ĐIỀU LẠM BÀN VỀ TRÚC LÂM ĐẠI SĨ XUẤT SƠN CHI ĐỒ

Nguyễn Quảng Minh*

Cơ sở cấp tính *Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn chi đồ* (TLĐSX) trong nước ta đã tạm lắng. Nguyên nhân trực tiếp là cuộc đấu giá sáng ngày thứ hai 23/4/2012 tại khách sạn Asia, Bắc Kinh, do Beijing Poly International Auction Co., Ltd. của nhà nước Trung Quốc tổ chức; bản sao điện tử (IT 複製本, electronic replica) của TLĐSX mang số lô 6164 được mua với giá cao bất ngờ, “phi lý tính” (có thể hiểu là, bị kích động cảm tính);⁽¹⁾ từ đó trên báo in và báo mạng trong nước ta đã xuất hiện, theo thống kê không đầy đủ của chúng tôi, khoảng gần hai trăm tin và bài nghiên cứu (với rất hiếm hình từ TLĐSX), bốn năm cuộc tọa đàm, giới thiệu ở Hà Nội, Huế, TP Hồ Chí Minh; ở nơi đây, tập san *Suối nguồn* xuất bản một số đặc biệt (số 7, tháng 11 năm 2012) mang tên *Bóng hình để lại* với gần hai trăm trang, in lại cả bức họa-thư nguyên khổ, do TS Nguyễn Nam viết, nhằm *chiêm ngưỡng* tác phẩm xưa dưới ánh sáng của *giáo lý Phật giáo*. Sau đó ông Nam còn khai thác thêm đề tài “thủ quyền” trong vài bài báo mạng và bạn ông còn phụ họa qua bài “Đọc sách” với nhiều kiến giải “độc đáo bất ngờ”.

Ngoài người Việt, không thấy người nước ngoài nào, kể cả Trung Quốc, luận bàn rôm rả về TLĐSX.⁽²⁾ Chúng tôi đã tìm trên 维基百科中文 (Wikipedia chữ Trung) và không thấy các điều mục 竹林大士出山之圖 hay 竹林大士出山圖 và 陈監(鑑/鉴)如 (truy cập 22/9/2013). Kết quả tương tự khi vào Wikipedia English hay Français hay Deutsch hay Nederlands. Nhưng ở các trang công cụ tìm kiếm như Google, Yahoo, Ask... chúng tôi đã thấy ở mỗi nơi khoảng trên hai chục trang web chữ Trung quảng cáo bán các bản in lại với kỹ thuật scan (掃描複製本, scanned copy) của bức họa-thư với nhiều độ phân giải hấp dẫn và giá cũng mềm (với 500 nhân dân tệ [=1.726.739,94 VNĐ, theo tỷ giá hối đoái sáng ngày 4/11/2013] bạn đã có một bản scan đúng như bản sao, đựng trong hộp gấm, trông rất chừng chặc, đem trưng bày thì rất oai rồi tha hồ tán tụng tùy thích). Những trang này quảng cáo bán cả những bản scan của *tất cả* các tranh và các bức thư pháp “quốc bảo” đã bán đấu giá của Trung Quốc. Mức thương mại của những trang web này cao đến độ: như trang web của tỉnh Sơn Đông quảng cáo bán 竹林大士出山[之]圖 (TLĐSX) nhưng đưa (lâm) hình của 竹林七贤图 (Trúc Lâm thất hiền đồ, bức vẽ 7 người hiền [trong] rừng trúc) có lẽ chỉ vì tên cả hai bức họa đều... bắt đầu bằng hai chữ khối vuông 竹林!⁽³⁾

Trên Youtube cũng có một video clip dài 9 phút 32 giây, đưa lên cách đây khoảng hơn 7 tháng, ghi một họa sĩ-nhà nghiên cứu trình bày về cùng đề tài trong một hội thảo ở Hà Nội.

Tin nói “Lạc khoản bị bồi vào tranh” cũng như ngọn lửa rơm, bùng lên trong ít tháng rồi lẳng lặng lẳng xuống.

* Neuilly-sur-Seine, Pháp.

Trong hoàn cảnh đó, chúng tôi là người Việt bình thường, “ngoại đạo” - chẳng là họa sĩ, không là nhà Nho, cũng không là học giả hay nhà nghiên cứu - chỉ xin lạm bàn chút ít, xuất phát từ *tính hiếu kỳ* vì thấy nhiều vị say mê bàn luận quên cả *TLĐSXŠ* và có “vị” lại luôn luôn úp úp mở mở để kích thích tính thích “tưng tửng” của một vài anh chị em thanh niên. Chúng tôi chỉ xen vào nói leo một vài điều mà quý vị bỏ sót khi say sưa “chiêm ngưỡng” tranh. Những điểm chúng tôi lạm bàn đều xoay quanh vấn đề *xuất xứ* của những thông tin mà các học giả, các nhà nghiên cứu ta thường đang coi là sự thật ở cấp độ chân lý, là sử liệu và xoay quanh *văn bản* của chính *TLĐSXŠ* nên hy vọng sẽ không bị lạc hậu dù sau này, *muôn một* có xác định được tác giả là ai, người nước nào, vẽ trong hoàn cảnh nào... Trong khi chưa có kết luận khoa học đáng tin về tính chân xác của Lạc khoản trên bức Họa, chúng tôi vẫn tạm coi Trần Giám Như là tác giả và năm hoàn thành là 1363.⁽⁴⁾ Nguyên tắc chúng tôi theo là: thấy/biết sao nói vậy, cố dùng hình ảnh thay cho lời, cố tránh chủ quan suy đoán hoặc do tự ty hay quá tự cao vì tình cảm dân tộc hoặc do niềm tin tâm linh.⁽⁵⁾

Phần I. Về hai khái niệm cơ bản

Khi lạm bàn về *TLĐSXŠ* chúng tôi gặp 2 khái niệm cơ bản cần làm sáng tỏ để tránh hiểu lầm.

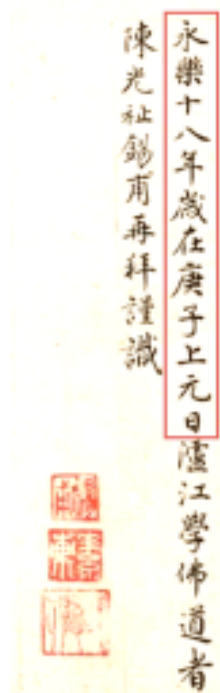
I.a. Chữ Trung và chữ Nho

Ở phần Thư của *TLĐSXŠ*, những bài có ghi ngày tháng, dù là *Dẫn*, *Ký* hay *Tán* đều lấy ngày tháng tính theo niên hiệu của vua nhà Minh bên Trung Quốc. Thí dụ, trong bài *Dẫn* - bài đầu tiên nằm bên trái phần Họa (bức Họa), Trần Quang Chỉ ghi (tạm dịch) *Năm Vĩnh Lạc 18* [tức năm] *Canh Tý ngày Thượng nguyên* [Rằm tháng Giêng]...

Chi tiết này cho thấy tác giả các bài *Dẫn*, *Ký*, *Tán*, kể cả Trần Quang Chỉ (vốn tự nhận là người Giao Chỉ), đều coi mình là thần dân của vua Minh Thành Tổ (1403-1424). Các ông dùng chữ Trung (chữ Hán) thể văn ngôn của người Hoa để viết những bài đó, khác với, chẳng hạn Nguyễn Trãi, người Việt sống cùng thời với các ông, viết *平吳大誥* [*Bình Ngô đại cáo*]⁽⁶⁾ bằng chữ Nho của người Việt. Đó là hai ngôn ngữ khác nhau tuy cùng dùng một dạng chữ khối vuông.

Chúng tôi hiểu đại khái sự khác nhau ấy như sau:

1. Dư Đĩnh là người Hoa nên ông viết chữ Trung (中文) - quốc tự (chữ quốc ngữ) của nước Trung Hoa của ông. Người Hoa đã dùng chữ Trung từ trước thời Tần Thủy Hoàng (khoảng TK 3 TCN), *liên tục* cho đến ngày nay và họ không có ý định thay bằng thứ chữ khác trong tương lai gần hay xa. Về mặt ngôn ngữ học, chữ Trung của Trung Quốc là loại **WYS = WYW** [What you speak is What you write, nói sao viết vậy]. Dư Đĩnh đọc to bài *Ký* của ông - có thể theo âm Bắc Kinh - thì vợ con



Hình 1.
Lạc khoản của
bài *Dẫn* do Trần
Quang Chỉ viết.

ông và hàng xóm láng giềng đều hiểu ít nhiều (phụ thuộc vào trình độ học vấn của người nghe chứ không vào âm đọc)!

2. Tình hình tiếng nói và chữ viết ở ta lại hoàn toàn khác. Thời xa xưa tổ tiên ta nói tiếng Việt cổ, chưa biết có hay không có chữ viết để ghi lại những tiếng nói đó. Khi bị người Tàu đô hộ, ta học và dùng chữ khối vuông của họ, dựa vào âm đời Đường cải biên dần thành âm Hán Việt; đó là loại chữ ngày nay ta gọi là chữ Nho (chữ Hán).

Quá trình Nguyễn Trãi viết *Bình Ngô đại cáo* có thể diễn ra như sau: Vua Lê Thái Tổ [Lê Lợi] bảo, bằng *tiếng Việt*, Nguyễn Trãi viết một bố cáo hoặc Nguyễn Trãi, với tư cách “quan su”, có sáng kiến cần viết một bố cáo, ông tâu lên vua Lê, bằng *tiếng Việt*. Nguyễn Trãi nghĩ nội dung bằng *tiếng Việt* - thứ tiếng mà ông thường nói với vợ con, họ hàng, gia nhân trong gia đình rồi *dịch* trong óc sang chữ Nho và *viết* thành *Bình Ngô đại cáo* (hoặc do đã nhuần nhuyễn chữ Nho nên có thể ông nghĩ nội dung trực tiếp qua âm Hán Việt). Nguyễn Trãi đọc to *Bình Ngô đại cáo* theo *âm Hán Việt* thì hàng xóm láng giềng và cả vợ con ông không hiểu gì cả! Đó là tình trạng “nói một đằng viết một nẻo”, ngày nay giới ngữ học gọi là **WYS ≠ WYW**.

3. Chữ Nho đọc theo âm Hán Việt là thứ chữ trước đây (khoảng từ năm 938 đến trước năm 1878 ở Nam Kỳ, 1915 ở Bắc Kỳ và 1919 ở Trung Kỳ) đã được dùng chính thức trong hệ thống hành chính, thi cử và văn chương, tôn giáo...; lúc đó chữ Nho được dùng *như một ngoại ngữ*.

4. Hai yếu tố thời gian (dài) và số lượng (rất nhiều người không biết, không dùng) đã quyết định chiều hướng diễn biến của chữ Nho (mức độ “Việt hóa” ngày càng lớn) nên càng ngày càng khác chữ Trung, nhất là về ngữ pháp, cú pháp và cả ngữ âm. Mặt khác chữ Nho *không được chuẩn hóa*, có khi cùng một chữ khối vuông nhưng nơi này có âm có nghĩa khác nơi khác; thậm chí ngay trong một làng, thầy đồ này đọc, viết khác thầy đồ khác. Các thầy đồ đều không được đào tạo sư phạm một ngày một giờ nào ngoài việc “biết chữ”, nghĩa là ít nhiều đã có học chữ Nho!

5. Chữ Nôm được một số nhà Nho đặt ra để giải quyết vấn đề **WYS ≠ WYW** nhưng không đạt mục đích vì đa số nhà Nho vẫn coi “*nôm na là cha mách què*” và chính quyền thường không những không hỗ trợ mà còn cấm đoán. Quan trọng hơn, tư duy chỉ đạo và phương cách thực hiện vẫn chưa thoát được ra ngoài cái “khung chữ Nho” nên chữ Nôm càng rắc rối hơn chữ Nho và càng rơi vào tình trạng “ai muốn viết, đọc, hiểu sao tùy ý”. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du với nhiều dị bản là một thí dụ điển hình.

Tóm lại, chữ Nho ngày nay của ta khác chữ Trung của Trung Quốc cả về ngữ âm, ngữ pháp và cú pháp nên được coi như hai loại ngôn ngữ ngang nhau. Cũng vì lý do này nên các nhà Nho ta chỉ có thể *bút đàm* với người Trung Quốc. Nhiều người nước ngoài biết chữ Trung khi đọc văn bản chữ Nho lại ngỡ ngỡ thấy tác giả (văn bản) “viết sai” nhiều quá!

6. Giữa các nhà Nho với nhau, họ vẫn dùng tiếng Việt nhưng tùy người, tùy chỗ, tùy lúc họ nói xen vào ít nhiều chữ Nho. Dân gian nói mĩa là *Dốt đặc*

cán mai còn hay nói chữ và Dốt đặc còn hơn hay chữ lỏng... Muốn dân thường hiểu những văn bản bằng chữ Nho, cần có người *giảng* [dùng ngôn ngữ ngày nay là *dịch* sang tiếng Việt].

7. Chữ Trung cũng như chữ Nho thời xưa đều không dùng các dấu chấm câu (punctuation marks) như chấm (.), phẩy (,), chấm phẩy (;)... và các quy ước như xuống hàng, viết hoa, viết nghiêng, viết đậm...

Người xưa lại viết cô đọng, hay dùng điển cố. Tâm lý người viết cũng như người nói là hay nói nhún mình, tăng bốc người đối thoại; cộng với tính hay nói nổ, một tác đến trời nên luôn luôn thấy các danh hiệu như *cao tăng*, *đại cao tăng*, *thánh tăng*, *đại thánh tăng*, *thần tăng*, *đại thần tăng*, *Phật tăng*, *đại Phật tăng*, *sư phụ*, *đại sư phụ*, *đại sư huynh*, *đại đồ đệ*, *đại huynh trưởng*, *đại kỳ tài*, *đại trưởng bối*...

8. Ngày nay chữ chính thức của chúng ta là chữ Việt với mẫu tự Latinh, ít người biết chữ Nho và mức “thâm Nho” cũng khác xa thời xưa vì vậy muốn hiểu các sáng tác bằng chữ Nho, lại phải *dịch* - nhiều khi rất vất vả và đầy chủ quan - từ chữ Nho sang chữ Việt, đôi khi qua khâu trung gian là phiên âm Hán Việt. Hơn nữa trong tiếng Việt hiện nay, ngoài những chữ thuần Việt lại còn nhiều chữ gốc Hán nữa.

9. Do cùng dùng chữ khối vuông nên những văn bản viết bằng chữ Trung (của người Hoa xưa và nay) thoát trông đều giống như văn bản viết bằng chữ Nho và cũng phải *dịch* sang chữ Việt thì người Việt bình thường mới hiểu được. Khi dịch từ chữ Trung sang chữ Việt, các vị thâm Nho của ta thường vừa dịch vừa phiên âm Hán Việt: thí dụ, 書畫圖 được phiên âm Hán Việt thành thư họa đồ và “dịch” thành *bức thư họa* (dịch đồ thành *bức*, phiên âm hai chữ *thư họa*). 書畫圖 chúng tôi hiểu là bức vẽ có thêm phần thư pháp → *bức vẽ có thư pháp*. Quý vị có thể biết nhưng không luôn luôn nhớ rằng, hai thứ chữ đó khác nhau và ngày càng xa nhau..., chỉ phiên âm hay vừa dịch vừa phiên âm có thể dẫn đến sai lầm hay ngộ nghê dễ sợ.

Một thí dụ ngay với TLĐSXŠ, một số vị biết chữ Nho gặp cụm từ 高掃描技術複製本 trong văn bản chữ Trung, có thể trước hết đã phiên âm thành *cao tảo miêu kỹ thuật phục chế bản* rồi vừa dịch vừa phiên âm thành *bản phục chế bằng kỹ thuật “tảo miêu” cao*, tiếp theo để cho “dễ hiểu” thành *bản phục chế với kỹ thuật cao*. Có hai điều cần nói: a) 掃描技術 là [kỹ thuật] scan và b) *bản phục chế* trong tiếng Việt không phải là bản scan, bản in lại mà là bản gốc đã được “phục chế” (sửa chữa, phục hồi lại như bản gốc). Cụm từ “bản phục chế” trong tiếng Việt tương đương với 修復本 [tu phục bản = “bản tu phục”] trong tiếng Trung!

Trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* nhiều vị cũng đã dẫn rất nhiều thí dụ về những trường hợp từ, cụm từ viết chữ khối vuông hay phiên âm Hán Việt như nhau nhưng có nghĩa khác nhau trong tiếng Việt và tiếng Trung hiện đại (xin xem Trần Văn Chánh 2010: 3-16; Hồ Bạch Thảo 2011: 29-34; Lê Mạnh Chiến 2013: 136-138...).

Trong một số trường hợp, dù chỉ phiên âm, người đọc/nghe có thể vẫn hiểu nội dung tuy nhiều khi chỉ hiểu lơ mờ. Những trường hợp như vậy, rõ ràng là

lai căng, không trong sáng tiếng Việt nhưng dân ta không có thói quen “hỏi khó”, nhất là khi người viết/nói lại có chức có quyền. Thí dụ 竹林大士出山之圖 thành *Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn chi đồ*, thậm chí theo chân Dư Đỉnh thành *Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn đồ* thì vẫn cứ được đi...

10. Từ những điểm vừa trình bày, chúng tôi thấy không nên phiên âm Hán Việt những trích đoạn cần trong phần Thư của *TLĐSX* mà nên dịch thẳng từ chữ Trung sang chữ Việt hiện đại (chữ Quốc ngữ) như thường dịch từ chữ Anh, chữ Pháp... sang chữ Việt rồi chủ quan ngắt câu, thêm các dấu chấm, phẩy... và viết theo cách viết hoa, viết nghiêng... như ngày nay đang dùng. Tuy nhiên trong một số trường hợp như tên người, tên đất ở Trung Quốc hay tên riêng, phiên âm Hán Việt thường dễ nghe, dễ nhớ hơn là dùng âm *pinyin*.

Hy vọng sẽ có dịp trình bày chi tiết hơn về những điểm trên và với những dẫn chứng từ thư tịch lịch sử.

1.b. Bản sao đem đấu giá và những bản in lại

Trên báo chí và trong các buổi tọa đàm/giới thiệu, các học giả/nhà nghiên cứu (và sau đó, các nhà báo) của chúng ta đã dùng rất nhiều từ khác nhau để chỉ bản *TLĐSX* mà quý vị có trong tay, vài thí dụ “bản phục chế” (Wikipedia tiếng Việt; Anh Việt - Đại Dương. *Nhiều bí ẩn trong bức thư họa “triệu đô” về Phật hoàng Trần Nhân Tông*. dantri.com.vn (đưa lên 01/3/2013 - 12:19, truy cập 27/10/2013; Trịnh Quang Vũ. *Sự thật và truyền thuyết của Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn đồ*. www.vietnamfineart.com.vn (đưa lên - không ghi, truy cập 27/10/2013), “bản sao”, “bản scan”... (*Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn đồ: Bức “quốc họa” lưu lạc và “trở về”*. www.thethaovanhoa.com.vn, đưa lên 13/9/2013, truy cập 15/9/2013)...

Muốn biết bản quý vị đang có quý giá đến mức nào, cần có khái niệm về những loại bản sao chép từ một bản gốc của một tác phẩm nghệ thuật (hiện vật) trong một nhà bảo tàng. Khi nhập một tác phẩm mới, trước hết cần giám định thực-giả, đúng-sai..., rồi ghi chép mô tả tình trạng lúc đó của tác phẩm. Đó là *bản gốc*.

1. Bản gốc [原本, original] có 2 dạng:

1.a. Bản chính gốc (原原本, true original) đúng như tình trạng khi nhập vào bảo tàng; thường có chụp hình tư liệu bản chính gốc nhưng ít khi làm bản sao.

1.b. Bản gốc phục chế (修復原本, restored original). Bản gốc khi vào bảo tàng thường bị trầy xước, bụi bám... nên cần sửa chữa, bồi đắp... để bảo quản và trưng bày. Giới bảo tàng người Việt ta gọi công việc sửa chữa, bồi đắp... này là *phục chế* (xem Phạm Thu Hương 2012) - hai từ gốc Hán nhưng người Hoa lại gọi là 修復 *tu phục*! Bản chính gốc, sau khi sửa chữa, bồi đắp, đóng khung... được ta gọi là *bản gốc phục chế*. Thường dùng bản này để trưng bày trong bảo tàng. Bản gốc phục chế thường thành bản chính, duy nhất của hiện vật. Sau một thời gian bảo quản, trưng bày, có khi lại phải tiến hành phục chế (chữ Nho - chữ Việt gốc Hán của người Việt ngày nay) hay 修復 (tu phục - chữ Trung ngày nay của người Hoa) một hay nhiều lần nữa.

2. Bản sao (複製本, replica) bản sao chép bằng kỹ thuật thủ công hay kỹ thuật điện tử, dựa vào bản gốc phục chế. Hầu như không bao giờ có bản sao từ bản chính gốc. Trong một số trường hợp, bản sao được trưng bày trong bảo tàng (như trống đồng Ngọc Lũ I trưng bày ở Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội là bản sao). Tất cả các bản giả (山寨品, 膺品, fake) đều là các bản sao không chính thức nhưng vẽ/làm như thật, có trường hợp ngay chính các giám định viên có kinh nghiệm cũng khó nhận ra. Các học giả cũng phải làm bản sao để nghiên cứu hiện vật, nhất là khi hiện vật lại là một bức họa hay một bức họa-thư; nghiên cứu ngay trên bản gốc sẽ làm hỏng không cứu vãn được.

Như vậy, 1) bước đầu tiên vô cùng quan trọng là thực hiện một (hay nhiều) bản sao (replica) giống tối đa *bản gốc* hoặc *bản gốc phục chế*; sau đó 2) dùng kỹ thuật bóc/tách lớp đối với bản sao, nghiên cứu quá trình hình thành bức họa và những thay đổi cùng thời gian; cuối cùng 3) phục dựng bức họa nhằm kiểm tra bước 2. Do không được phép *thí nghiệm* với bản gốc nên việc tạo ra những bản sao giống y hệt bản gốc có vị trí quyết định trong việc nghiên cứu một bức họa. Những kỹ thuật như chụp siêu vi tương quan (correlative microscopy), chụp phổ không ăn mòn (non-invasive spectroscopy), phân tích hình 2 và 3D dùng tia X, neutron, electron và tia sáng (imaging 2 and 3D analytical techniques using X-rays, neutrons, electrons and light)... đã giúp tạo được những bản sao với độ phân giải tới 1 tỷ pixel nên bản sao vô cùng giống bản gốc và rất sắc nét. Không lâu nữa sẽ có thể in cả những tính trạng liên quan khác như độ bóng và độ trong của hình, những vết rạn do thời gian... Từ đó “bóc ra” từng lớp mực/sơn mà họa sĩ dùng, “tách ra” từng đường nét mà họa sĩ đã phác ra và đã sửa... Có thể nói, trước mắt chúng ta sẽ thấy từng bước việc hình thành tác phẩm, đúng như trước mắt họa sĩ tác giả.

Các họa phẩm nghiên cứu thường có chiều ngang “lòng tranh” khoảng 1-2m và được vẽ bằng sơn dầu, nhiều màu trên vải nên có nhiều lớp rõ rệt và nhiều màu sắc. Bức họa-thư TLĐSXŠ có chiều cao “lòng tranh” 28cm, chiều dài 956,1~968,1cm, vẽ bằng mực [tàu] nước trên giấy nên các lớp mực và sắc thái đen trắng chuyển tiếp thường nhịp nhàng, liên tục hơn vì vậy nên dễ hơn về kỹ thuật scan nhưng lại yêu cầu độ nhạy cao hơn. Trung Quốc chưa áp dụng các kỹ thuật mũi nhọn trên trong nghệ thuật dân sự.⁽⁷⁾

3. Bản in lại với kỹ thuật cao [scan] (掃描複製本, scanned copy, 高仿真技術複製本) là bản thu được sau khi đưa bản sao vào máy scan (hầu như không ai đưa bản gốc phục chế đi scan vì e bản gốc phục chế bị hư hỏng); tùy mức hiện đại của máy scan, bản in lại sẽ đẹp như hay gần như bản gốc phục chế; mức hiện đại chủ yếu được biểu thị bằng số pixel (像元) thông qua cái người Việt ta gọi là *độ phân giải* (resolution) nhưng người Hoa lại gọi là 解析度 (giải tích độ); nếu trong trường hợp này ta vừa phiên âm Hán Việt vừa đổi trật tự chữ theo ngữ pháp tiếng Việt thành “độ giải tích” thì thực sai và ngô nghê.

Theo những thông tin từ Từ Anh Chương (1999: 241-248) và từ Beijing Poly International Auction C^{ie}, bản đem bán đấu giá tháng 4 năm 2012 là bản sao (có cất xén, tu sửa) với kỹ thuật hiện đại (vào lúc đó và ở Trung Quốc).

Còn tất cả các bản chúng ta có ở Việt Nam hiện nay đều là những *bản in lại* (nhiều khi lại là bản tự in từ bản in lại) với nhiều độ phân giải khác nhau.

Phần II. Tìm xuất xứ của những thông tin chính về TLĐSXŠ

Ngày nay phần lớn người Việt chúng ta tin rằng trong TLĐSXŠ có vẽ, chẳng hạn, vua Trần Anh Tông nghênh đón Đại sĩ Trúc Lâm, đạo sĩ Lâm Thời Vũ đội mũ vàng, voi trắng chở kinh... Từ đâu chúng ta có những thông tin đó? Muốn trả lời câu hỏi trên, trước hết cần tìm hiểu nội dung phần Thư (những “văn bản” viết gần thời gian sáng tác bức Họa nhất), rồi truy tìm xuất xứ của những thông tin chính ở phần đó.

II.a. Về phần Thư của TLĐSXŠ

Phần Thư nằm ở phần sau, tiếp theo của bức Họa (tức ở bên trái bức Họa). Phần Thư có độ dài khác nhau tùy theo đó là *bản gốc* hay *bản sao* hay *bản in lại*. Bảng dưới đây ghi lại những số đo ở *bản gốc* do Từ Anh Chương (1999: 244) công bố:

Bảng 1. Những số đo của *bản gốc* TLĐSXŠ

Phần	Chiều cao (cm)	Chiều ngang (dài, cm)
Khoảng trống trước bức họa-thư	28,7	012,00
Dẫn thủ (Tên bức Họa)	28,0	064,20
Khoảng trống trước bức Họa	28,0	012,50
Bức Họa trên giấy	28,0	308,30
Khoảng trống sau bức Họa	28,0	012,50
Phần cuối (phần Thư) trên giấy	28,0	558,60
Cộng*	28,0 ~ 28,7	956,10 ~ 968,10

* Do chúng tôi thực hiện. NQM.

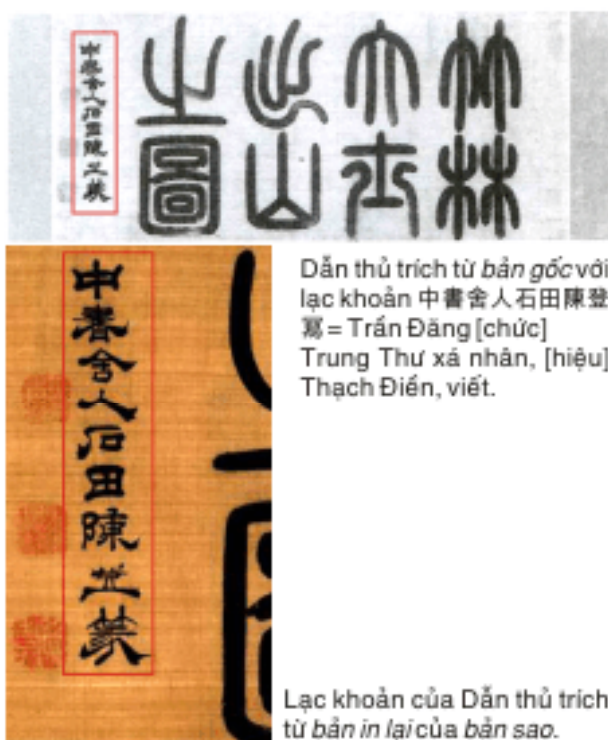
So với những bản chúng ta thường thấy ở Việt Nam, bản gốc dài hơn vì có những khoảng trống mà khi sao, chụp người ta đã bỏ đi. Ngược lại bức Họa trên giấy bị kéo dài thêm: ở bản sao bán đấu giá, bức Họa dài 316cm (dài hơn 7,70cm so với bản gốc).





Phần Thư
(ở bản gốc)
dài 558,6cm

Hình 2. Phần Họa và phần Thư của TLĐSXŠS (Hình scan lại từ bản sao).



Dẫn thủ trích từ bản gốc với lạc khoản 中書舍人石田陳登寫 = Trần Đăng [chức] Trung Thư xá nhân, [hiệu] Thạch Điện, viết.

Lạc khoản của Dẫn thủ trích từ bản in lại của bản sao.

Hình 3. Dẫn thủ và lạc khoản về người viết 8 chữ tên bức Họa.

Trước hết xin nói chút ít về Dẫn thủ viết trên giấy lụa:

a) Nội dung Dẫn thủ: 竹林大士出山之圖, tám chữ viết thành bốn dòng dọc, kiểu chữ đại triện (大篆=籀文), b) Lạc khoản 中書舍人石田陳登寫, chín chữ viết thành một dòng dọc, kiểu chữ tiểu triện đá lệ, c) ba dấu ấn hình vuông tròn đá lệ, chữ nổi màu son, thành hàng dọc, từ trên xuống: Ngọc Đường Thanh Hạ, Trần Đăng chi ấn và Tư Hiếu (tên tự của Trần Đăng).

Về Trần Đăng, Dương Sĩ Kỳ cho biết “登工篆籀於六書本原精考詳究” (dẫn theo Từ Anh Chương 1999: 248), tạm dịch: [Trần] Đăng mạnh về [kiểu chữ] đại triện; [đã] khảo cứu tường tận về thực chất nguồn gốc sáu kiểu chữ. Dựa vào kiểu chữ, vào dấu ấn có thể khẳng định, Dẫn thủ đúng là do Trần Đăng viết. Ông viết lúc nào? Trong Lạc

khoản có bốn chữ 中書舍人 [nhân viên của Phòng Trung Thư, Viện Hàn Lâm] là chức vụ của Trần Đăng khi ông được tuyển vào Viện Hàn Lâm năm Vĩnh Lạc thứ 2 (1404). Như vậy, rất có thể Dẫn thủ được viết sau năm 1404, tức sau khi hoàn thành bức Họa và trước năm 1428 khi Trần Đăng mất. Nội dung Dẫn thủ gồm 8 chữ, có chữ 之, tương tự như tên bức Họa do Trần Quang Chỉ viết ở dòng dọc đầu tiên trong bài Dẫn. Trong cả TLĐSXŠS chỉ thấy 2 trường hợp tên

bức Họa có chữ 之. Có thể nghĩ chẳng đến ảnh hưởng lớn của Trần Quang Chỉ tới nội dung Dẫn thủ và về mặt thời gian, có thể cùng năm hay ngay sau năm Trần Quang Chỉ viết bài *Dẫn* (1420)? Tóm lại, khi vào tay Trần Quang Chỉ, bức Họa có thể chưa có tên, ông đặt tên với 8 chữ rồi đem bức Họa đi đề nghị Dư Đĩnh viết bài *Ký* và đi xin chữ Dẫn thủ của Trần Đăng. Trần Quang Chỉ vốn gốc người Giao Chỉ nên văn thể, văn phong của ông vẫn còn hơi hướng văn chữ Nho của người Nam; hai trong nhiều thí dụ: tên TLĐSXŠ có chữ 之 (trong khi, những người Hoa/Hán chính gốc đều không còn dùng chữ 之 trong những trường hợp tương tự); ông viết 道士林時雨 [đạo sĩ Lâm Thời Vũ], theo ngữ pháp chữ Nho chứ không viết 林時雨道士 [Lâm Thời Vũ đạo sĩ]. Dư Đĩnh xem bài *Dẫn* nên cũng quen mắt viết 道士林時雨 theo Trần Quang Chỉ.

Nay xin nói đến phần Thư, được bồi tiếp theo sau (bên trái) bức Họa. Phần này gồm nhiều bài viết, người Việt ta ngày nay thường gọi chung (và sai) là “*các bài bạt tựa phía sau tranh*” hay “*những bài bình tán*” nhưng theo nội dung và trình tự từ phải qua trái, chúng tôi chia thành 2 loại:

1. Loại **Giới thiệu**: bài *Dẫn* của Trần Quang Chỉ và bài *Ký* của Dư Đĩnh;
2. Loại **Ca tụng** (bình phẩm, tán tụng): những bài còn lại, gồm:
 - bài *Kệ Tán* của Tăng Khải, gọi tắt bài *Tán 1*;
 - bài *Thơ thất ngôn* của Lâm Phục - bài *Tán 2*;
 - bài *Tán* của nhà sư Bạc Hiệp - bài *Tán 3*;
 - bài *Tán* của Đàm Giá Thoái Ân Nhật Đông sa môn Đức Thủy - bài *Tán 4*;
 - bài *Thơ thất ngôn* của Kim Môn ngoại sử Viên Chi An - bài *Tán 5*;
 - bài *Thơ thất ngôn* của Dự Chương Ngô Đại Tiết - bài *Tán 6* và
 - bài *Thơ thất ngôn* của Tây Bích - bài *Tán 7*.

Không có bài *Dẫn* (đại khái như *Lời giới thiệu* ngày nay ở ta) của Trần Quang Chỉ và bài *Ký* (phần nào như *Lời nói đầu* ngày nay ở ta) của Dư Đĩnh thì ngay những vị được xin chữ cũng không biết sao mà tán tụng, chứ đừng nói đến những người Trung Quốc có cơ may xem tranh. Đó là sáng kiến của 交趾學佛者陳光祉 (tạm dịch) “*nhà học [đạo] Phật [người] Giao Chỉ [tên là] Trần Quang Chỉ*”, như Dư Đĩnh viết trong bài *Ký*! Khoảng năm mươi tám năm sau khi bức Họa hoàn thành, ông họ Trần được xem tranh, thấy cần có vài lời *Dẫn* 史大士之功行不泯也 (tạm dịch): *để công nghiệp, đức hạnh của Đại sĩ không bị mai một vậy*, rồi mang tranh đi nhờ người viết bài *Ký* vì ông biết rõ không làm vậy chẳng ai hiểu tranh vẽ gì. Lý do: đề tài của tranh là về một sự kiện *giả định* xảy ra ở ngoài Trung Quốc và liên quan đến hai nhân vật lịch sử *có thật* ở An Nam (trong mắt người Trung Quốc, là một “*phiên quốc*” xa lạ ở phương Nam).

Trên trục thời gian:

- bài *Dẫn* viết ngày 15 tháng Giêng năm Canh Tý, niên hiệu (Minh) Vĩnh Lạc thứ 18, tức thứ hai ngày 29 tháng 1 năm 1420 - *58 năm sau khi bức Họa hoàn thành*;
- bài *Ký* viết ngày 15 tháng 2 năm Canh Tý, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 18, tức thứ năm ngày 28 tháng 3 năm 1420 (năm Canh Tý nhuận tháng Giêng) - *khoảng 2 tháng sau bài Dẫn*;
- bài *Tán 1* viết tháng 12 năm Vĩnh Lạc thứ 18 (Canh Tý), tức trong khoảng từ 4 tháng 1 đến 1 tháng 2 năm 1421 - *khoảng gần 1 năm sau bài Dẫn*.

- bài *Tán 2* không ghi ngày tháng.
- bài *Tán 3* viết tháng 3 năm (Quý Mão) Vĩnh Lạc thứ 21, khoảng từ 11 tháng 4 đến 9 tháng 5 năm 1423 - *khoảng hơn 3 năm 4 tháng sau bài Dẫn*.
- bài *Tán 4* viết mùa đông năm Quý Mão niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 21 (1423) - *khoảng hơn 3 năm 9 tháng sau bài Dẫn*.
- ba bài *Tán 5, 6 và 7* đều không ghi ngày tháng.

Chúng tôi nghĩ có thể suy ra thời điểm viết bài *Tán 2*. Bài này nằm giữa bài *Tán 1* và bài *Tán 3* (hai bài biết ngày tháng viết) vì vậy, nếu được bồi vào TLĐXSX theo thứ tự thời gian, bài này được viết trong khoảng từ giữa tháng 2 năm 1421 đến đầu tháng 4 năm 1423 - *khoảng 1 đến 3 năm sau bài Dẫn*.

Chúng tôi không thấy cơ sở nào để phỏng đoán thời điểm viết ba bài tán cuối cùng. Nhưng do loại giấy nền và khổ giấy viết khác nhau, vết bồi rõ nét nên nghĩ là chúng có thể được viết khá lâu sau tháng 4 năm 1423.

Nhìn toàn cục, Trần Quang Chỉ đã dành 4-5 năm để xin chữ các vị quen biết người Trung Quốc và người Nhật Bản.

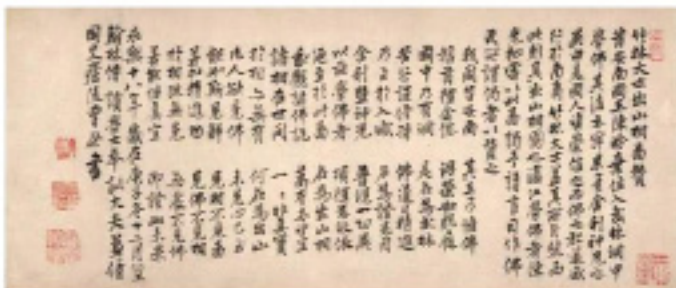
Chúng tôi chỉ quan tâm đến bài *Dẫn* và bài *Ký*, vì chúng có thông tin làm sáng tỏ TLĐXSX.

Khi “chiêm ngưỡng” thủ quyển TLĐXSX, các họa sĩ-nhà nghiên cứu cùng các học giả của ta thường rất hào phóng trong việc dùng ngôn từ, tuy nhiên chưa thấy vị nào tán tụng phần Thư về mặt **nghệ thuật thư pháp**. 古代书画部 (Phòng [bộ phận về] Tranh và Thư pháp cổ [của Trung Quốc]) thuộc Beijing Poly International Auction Co., Ltd. (cơ quan thương mại chuyên nói tốt cho món hàng mình rao bán của người Trung Hoa - một dân tộc nổi tiếng thích phóng đại khoa trương) không nói gì đến phần Thư của bản sao TLĐXSX trong sách giới thiệu bức thủ quyển đó bằng chữ Trung. Không hiểu vì lý do gì họ “tảng lờ” như vậy. Hy vọng các nhà nghiên cứu thư họa Việt Nam sẽ giúp ý kiến đánh giá khách quan nhưng xin đừng như trường hợp mà chúng tôi trích dẫn dưới đây.

a. Bài phỏng vấn trên báo *Thể thao và Văn hóa* của Thông tấn xã Việt Nam.

Ngàn năm áo mũ. Trong thời gian dài, nhiều nghiên cứu về bức tranh đã được công bố. Tại sao ảnh “đổ đĩnh” vậy?

- Việc công bố bức tranh trước đây sau không quan trọng, quan trọng là mình nhìn ra được gì từ trong bức tranh và đằng sau bức tranh.



Một phần đoạn 10 tại nội văn Trần Quang Chỉ viết đồng sau bức tranh, có thư pháp rất đẹp, theo đánh giá của nhà nghiên cứu Trần Quang Đức



Hình 4. Trích bài phỏng vấn người viết *Ngàn năm áo mũ* trên *Thể thao và Văn hóa*, Thông tấn xã Việt Nam.

Chỉ một hình với 31 chữ chú thích mà đã có 6 điểm để bàn:

1) Hình trên KHÔNG là “một phần đoạn lời bạt” mà là toàn bộ bài *Tán* dưới dạng *Kệ* do Tăng Khải viết (chúng tôi gọi tắt là bài *Tán 1*, xin xem thêm ở trên).

2) Trần Quang Chỉ KHÔNG viết lời bạt, ông chỉ viết bài *Dẫn* để giúp người xem tranh biết thân thế và sự nghiệp của Đại sĩ Trúc Lâm.

3) Trần Quang Chỉ, theo bài *Dẫn* do chính ông viết, KHÔNG làm quan ở Việt Nam hay Trung Quốc mà chỉ là 瀟江學佛道者 (người học đạo Phật [ở] Lô Giang); *Minh thực lục*, q. 73 chỉ ghi ông là 交趾土人 (người địa phương [ở] Giao Chỉ) nhưng khi nhà báo hỏi thì nhà nghiên cứu “nhớ nhầm” thành 土官 (quan địa phương)!

4) Bài *Tán 1* này KHÔNG được bồi dán ở “dằng sau bức tranh” mà ở bên trái bức tranh, ngay bên trái bài *Ký* của Dư Đỉnh và ngay bên phải bài *Tán 2* do Đạo nhân Lâm Phục viết. Nhà nghiên cứu đã dịch sai 5 chữ 在此圖後部 của Từ Anh Chương (1999: 248); 後部 chúng tôi hiểu là, phần tiếp theo, tiếp sau.

5) Người viết *Ngàn năm áo mũ* KHÔNG tự đánh giá bài *Tán 1* về mặt thư pháp, ông ta chỉ nhắc lại ý kiến của Thư viện khu phố Đông Thành (TVKPĐT), thành phố Bắc Kinh, Trung Quốc.

6) Bài *Tán 1* này viết theo thể hành và được TVKPĐT nói trên lấy làm thí dụ cho cách viết chữ thể đó thời Minh. Thậm chí hình trích bài *Tán 1* cũng lấy từ trang web của thư viện cấp khu phố này.

Hình và chú thích trên là trích từ bài phỏng vấn mang tên “*Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn đồ: Bức ‘quốc họa’ lưu lạc và ‘trở về’*” của Mi Ly trên báo *Thể thao và Văn hóa*, đưa lên 13/9/2013 - 14:05 (truy cập 20/9/2013). Tìm trong *Ngàn năm áo mũ* (Hà Nội, Cty Nhã Nam-Nxb Thế giới, 2013), phần *Đôi nét về Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn [chi] đồ* dài 5 trang không số, nằm giữa các trang có số



狀元·明·曹樞·行書竹林大士出山圖題卷



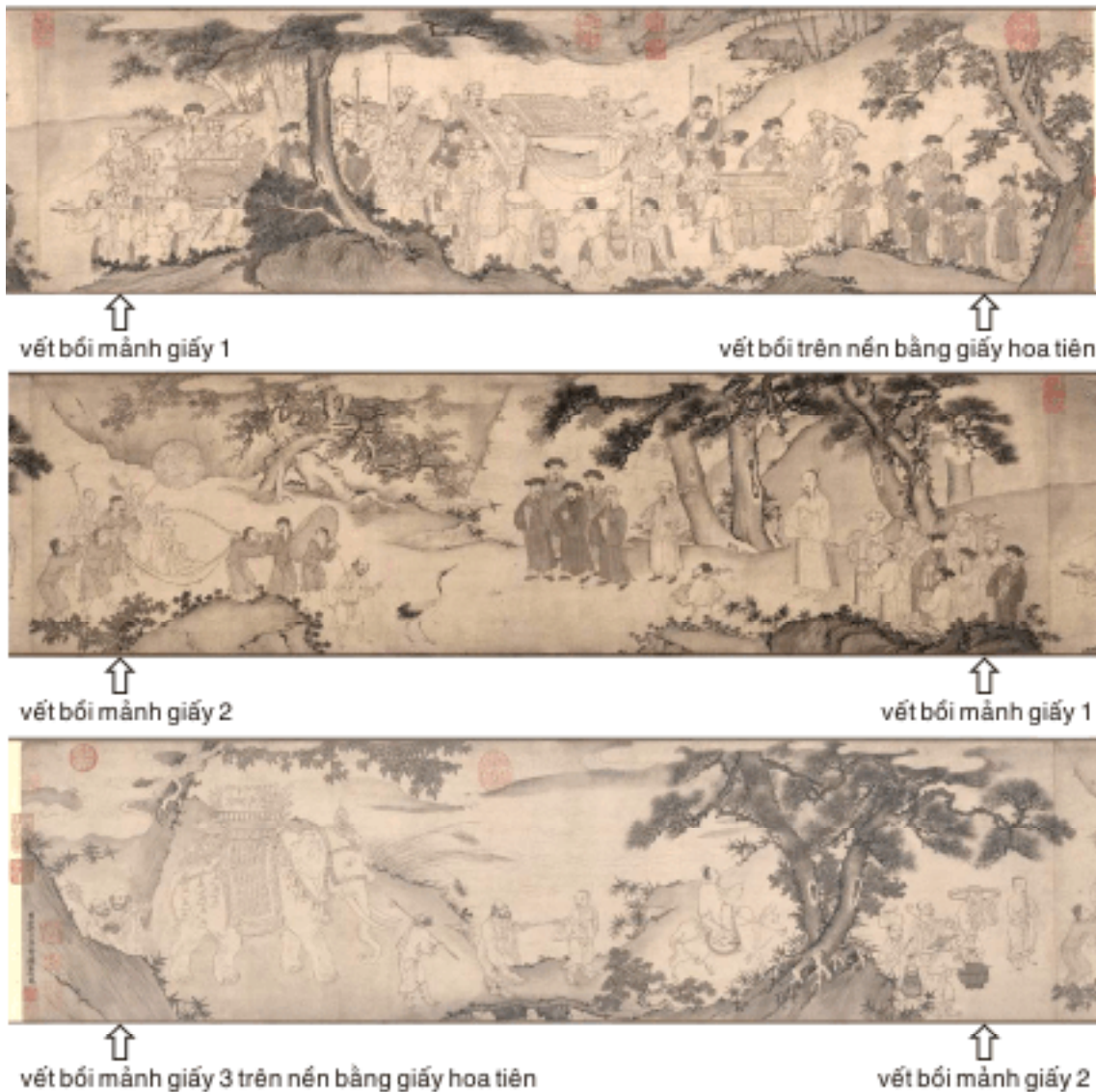
Hình 5. Trích trang web của Thư viện khu phố Đông Thành, thành phố Bắc Kinh (Trung Quốc).

127 và 133 (không một hình minh họa) thấy rõ những sai lầm thô thiển trên không do phóng viên viết. Trong bài đó còn nhiều chi tiết *nhớ sai* như giá bán đấu giá thành “*như truyền thông đưa tin là 14, hay 18 triệu USD*”, nống lên gấp 10 lần giá thực! v.v...

b. Bài trên trang web của TVKPĐT về kiểu viết hành thư của chữ Trung (đưa lên mùa xuân 2012, truy cập 22/9/2013).

Về mặt **văn bản**,⁽⁸⁾ qua bản trên mạng thấy phần *Dẫn thủ* (Tên) viết trên giấy lụa,

bồi trên giấy hoa tiên, bức *Họa* vẽ trên giấy trơn, thấy rõ thành 3 mảnh rồi bồi trên giấy hoa tiên (thấy rất rõ ở ngay sau dòng *Lạc khoản*), bài *Dẫn* viết trên giấy thường có dòng kẻ dọc, bài *Ký* viết trên giấy thường, không dòng kẻ dọc, bài *Tán 1* và *2* đều viết trên giấy thường, không liền tờ, bài *Tán 3* trên giấy thường có dòng kẻ dọc, bài *Tán 4* trên giấy thường. Cách xa khoảng 30cm, có vết bồi giấy khổ khác nhau rồi đến bài *Tán 5* viết trên giấy thường có dòng kẻ dọc. Cách xa khoảng 40cm đến bài *Tán 6* rồi bài *Tán 7* cả hai đều viết trên giấy thường sau đó thấy khoảng hơn 40cm giấy trơn, chỉ có lác đác dấu triện rồi thấy rõ vết bồi trên giấy cứng.



Hình 6. Những vết bồi cho thấy rõ bức *Họa* được vẽ thành 3 mảnh sau đó bồi trên giấy hoa tiên.

Xin chú ý: chiều dài của 3 mảnh giấy vẽ *TLDSXS* gần bằng nhau. Có vẻ tác giả đã vẽ bức *Họa* thành ba phần riêng rẽ sau đó ghép lại và tu chỉnh chút ít nhưng chỉ ở cây cỏ, phần người vẫn thấy có một khoảng nhỏ cách biệt.

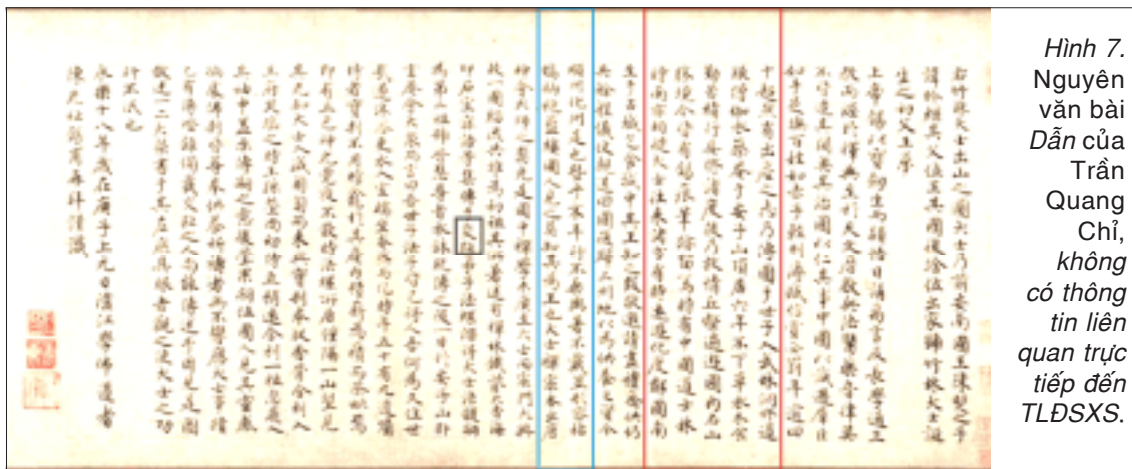
Chúng tôi đoán mỗi người đều vẽ và viết trên loại giấy mà mình có, một người nào đó (có thể là Trần Quang Chỉ chăng?) đã đem bồi lại, lúc đầu (khoảng năm 1420-1421) trên giấy hoa tiên, sau (từ năm 1423) trên giấy cứng.

Chúng tôi, bằng mắt thường, hoàn toàn không thấy “*tranh vẽ trên giấy hoa tiên*” như ông Nguyễn Nam dịch từ *Thạch cử bảo cấp bí điện châu lâm tục biên* và đăng trên tạp chí *Hán Nôm*, số 2 (39), năm 1999 [bản trên mạng www.hannom.org.vn, truy cập 21/6/2010].

II.b. Về những thông tin từ bài Dẫn và bài Ký

Ngày nay nhiều vị trong chúng ta tin như đinh đóng cột, chẳng hạn... “*bảy chữ triện Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn đồ ở đầu bức họa*” (Ngàn năm áo mũ, tr. [129]), “*Đại sĩ từ động Vũ Lâm xuống núi*” (*Sự thật & truyền thuyết của Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn đồ*, tạp chí *Mỹ thuật*, số 242, 2/2013), “*voi trắng chở kinh*” (*Diện mạo [Thượng hoàng] Trần Nhân Tông qua Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn [chi] đồ*,⁽⁹⁾ tạp chí *Hán Nôm*, số 2(39), 1999)... Từ đâu có những khẳng định đó? Theo chúng tôi, hình như chưa ai đặt câu hỏi về những điều đó rồi bỏ công truy tìm nguồn gốc của chúng. Chúng tôi thử tìm trong phần Thư vì đó là những bài xưa nhất nói về TLĐXSXS. Bảy bài *Tán* chỉ cung cấp những thông tin ca tụng bức Họa nên chúng tôi chú ý đến bài *Dẫn* và bài *Ký*.

1. Bài *Dẫn* của Trần Quang Chỉ cung cấp 3 *thông tin về*: 1) việc vua Trần Nhân Tông truyền ngôi cho con rồi vào động Vũ Lâm “tu đạo”; 2) đạo sĩ Trung Quốc tên là Lâm Thời Vũ đi cùng Đại sĩ đến nhiều nơi và 3) Đại sĩ người gầy gò, ăn mặc lam lũ...



Hình 7.
Nguyên
văn bài
Dẫn của
Trần
Quang
Chỉ,
không
có thông
tin liên
quan trực
tiếp đến
TLĐXSXS.

Trần Quang Chỉ không cho biết *nguồn gốc* của ba thông tin đó nhưng chúng cũng đều không liên quan trực tiếp đến bức Họa. Ông cũng tự nhận mình là 瀟江學佛道者 (người học đạo Phật [ở] Lô Giang [sông Lô chăng?]). Nhưng ông không biết hoặc không cho biết dân địa phương ở vùng Vũ Lâm ngày đó (nay thuộc thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình) vẫn quen gọi cái *thung lũng hẹp* Vũ Lâm có nhiều di tích từ đời Trần đó là “*động*”. Đối với họ, **động** không phải là “*hang núi to rộng*” như định nghĩa ở trang 397 trong *Từ điển tiếng Việt* do Văn Tân chủ biên (bản in năm 1967). Chính cái



Hình 8. Trích rõ ba thông tin chính từ bài Dẫn của Trần Quang Chỉ.

nghĩa địa phương của từ *động* này đã làm chúng ta hiểu lầm cái nền phong cảnh trong TLDSXS!

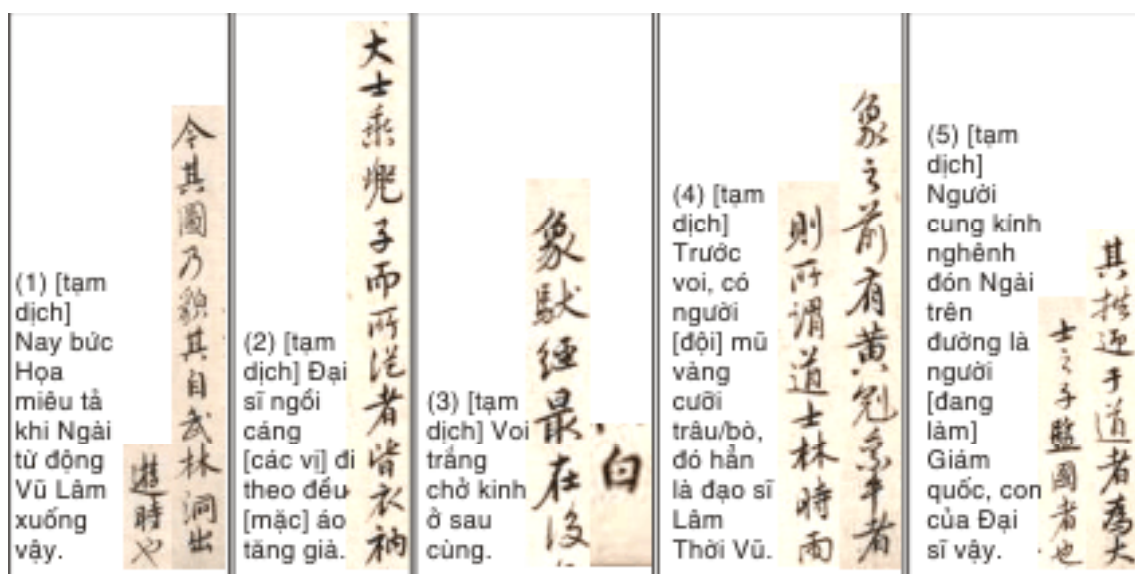
2. Bài Ký của Dư Đỉnh quan trọng hơn, cung cấp 5 thông tin (về tên gọi) một vài hình vẽ trong bức Họa, tất cả đều nằm ở 6 dòng dọc gần chính giữa bài viết (bài dài tất cả 38 dòng); chúng tôi đóng khung đỏ 6 dòng đó, đồng thời cắt riêng ra để dễ tìm hiểu:



Hình 9. Nguyên văn bài Ký của Dư Đỉnh (6 dòng dọc [trong khung đỏ] liên quan đến TLDSXS).

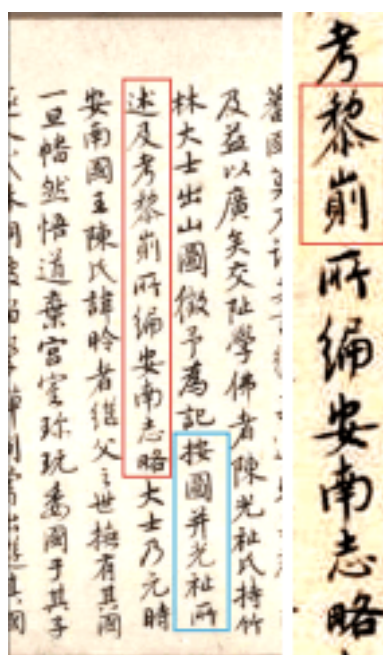
Những thông tin này đều trực tiếp liên quan đến bức Họa và nhờ chúng lần đầu tiên, người xem (nhất là người Việt ngày nay) mới biết trong bức Họa, ngoài Đại sĩ Trúc Lâm ngồi cang từ động Vũ Lâm xuống, còn có đạo sĩ Trung Quốc (tên là Lâm Thời Vũ) đi theo và con Ngài (đang là Giám quốc) đón Ngài.

Nói cách khác, Dư Đỉnh cho biết điểm xuất phát và hướng di chuyển của Đoàn đang xuống núi, vị trí của nhân vật chính trong bức Họa cùng tư cách và chức vụ của người đứng chờ đón nhân vật chính (không cho biết vị trí trong tranh của người đón). Hai thông tin về voi và đạo sĩ chỉ là nhân tiện nói thêm. Dư Đỉnh cũng nhắc lại Trần Quang Chỉ là 交趾學佛者 (người Giao Chỉ học [đạo] Phật).



Hình 10. Năm thông tin về nội dung TLĐXS do Dư Đỉnh cung cấp (đọc từ phải qua trái).

Nếu không có những thông tin trên, có thể mọi người không hiểu gì về bức Họa hoặc hiểu khác hẳn đi.



Hình 11. Trích đoạn nói rõ nguồn thông tin của Dư Đỉnh để viết cả bài Ký (dài 38 dòng đọc).

Câu hỏi đặt ra là, (coi như) 58 năm sau khi bức Họa được vẽ, Dư Đỉnh lấy những thông tin đó từ đâu? Chắc chắn Dư Đỉnh không hỏi trực tiếp người vẽ bức họa (nếu có hỏi, ông đã ghi trong bài Ký).

May mắn, Dư Đỉnh có nói rõ nguồn thông tin của ông: 17 chữ trong khung ở hình 11 (tạm dịch): “Dựa vào bức Họa cùng điều [ông Trần] Quang Chỉ thuật và tham khảo [sách] An Nam chí lược do Lê Trắc biên soạn”.

Chúng tôi hiểu, để viết cả bài Ký (dài 38 dòng đọc), Dư Đỉnh đã lấy nhiều thông tin từ 3 nguồn: 1) Xem bức Họa, 2) Nghe ông Trần Quang Chỉ thuật và 3) Tham khảo sách An Nam chí lược do Lê Trắc soạn.

Nhưng chúng tôi chỉ chú ý đến 5 thông tin trên (ở 6 dòng đọc) liên quan trực tiếp đến nội dung TLĐXS và mong muốn biết cụ thể Dư Đỉnh lấy thông tin nào từ nguồn nào và mức đáng tin của từng thông tin.

- Chúng tôi bắt đầu từ An Nam chí lược. Không rõ Dư Đỉnh dùng dị bản An Nam chí lược nào vì những sách chữ Trung của Tàu (cũng như những sách chữ Nho và chữ Nôm của ta), mỗi dị bản một khác cả về nội dung lẫn hình thức, đôi khi cả tựa đề (tên sách). Rà soát theo bản mềm trên Việt Nam thư quán,⁽¹⁰⁾ đánh máy từ bản dịch

tiếng Việt của Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam trực thuộc Viện Đại học Huế, in năm 1961 chúng tôi thấy, rất có thể Dư Đĩnh đã tham khảo chủ yếu quyển thứ nhất sách trên để viết về quan hệ giữa Trung Quốc với nước ta trong bài *Ký* (không liên quan đến *TLĐSXŠS*).

Về vua Trần Nhân Tông (Lê Trắc đặt ở mục *Gia thế họ Trần, Đời thứ tư*), quyển 13 sách trên chỉ cho biết “*Ở ngôi 15 năm, thọ 53 tuổi, thụy-hiệu Nhân-Vương. Lúc đầu học đạo Phật, thành linh một ngày, thoát giác-ngộ.*” Những thông tin trên không khớp với *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỷ, q. VI (bản dịch tiếng Việt từ bản chữ Nho khắc in năm Chính Hòa 18).

Chúng tôi không thấy đóng góp của *An Nam chí lược* vào 5 thông tin cần biết.

- Trần Quang Chỉ cung cấp thông tin nào? Ông đã có bài *Dẫn*, chúng tôi cũng đã rà tìm và tạm kết luận như trên. Ngoài ra rất có thể, khi đem tranh đến nhờ Dư Đĩnh viết bài *Ký*, hai ông còn trao đổi thêm và ông Trần có thể giới thiệu, thậm chí cho mượn bộ *An Nam chí lược* để ông Dư tham khảo. Chúng tôi nghĩ, sau khi viết bài *Dẫn* nhiều nhất khoảng một tháng, ông Trần gặp ông Dư, hẳn chưa có gì mới hơn những gì đã viết trong bài *Dẫn*.

- Như vậy, chỉ còn nguồn “dựa vào bức *Họa*”. Dư Đĩnh đã xem tranh và “tìm ra” 5 thông tin trên; nói cách khác, đó là “*sáng tạo*” của Dư Đĩnh và nhiều nhất là, với sự *có mặt* của Trần Quang Chỉ. Chúng tôi nghĩ, “*công đầu*” là của ông họ Dư. Vả lại người Hán chính gốc mới có khả năng hư cấu, khoa trương phong phú.

Rà soát, so sánh từng thông tin một, chúng tôi thấy như ghi ở bảng sau:

Bảng 2. So sánh thông tin từ bài Ký (của Dư Đĩnh) và từ bài Dẫn (của Trần Quang Chỉ).

Thông tin	Từ bài <i>Ký</i>	Từ bài <i>Dẫn</i>	Ghi chú
Thứ 1	Tranh vẽ Đại sĩ từ Vũ Lâm xuống núi	Thượng hoàng Trần Nhân Tông vào Vũ Lâm tu	TQC: <i>đưa 1 tin trung tính</i> DD: khẳng định 1 cảnh sắc
Thứ 2	Đại sĩ ngồi cang-võng	Không	TQC: im lặng, không biết DD: khẳng định 1 hình ảnh
Thứ 3	Con Đại sĩ chờ đón	Không	TQC: im lặng, không biết DD: khẳng định 1 hình ảnh
Thứ 4	Lâm Thời Vũ cưỡi bò	Lâm Thời Vũ cùng đi nhiều nơi	TQC: <i>đưa 1 tin trung tính</i> DD: khẳng định 1 hình ảnh
Thứ 5	Voi trắng chở kinh	Không	TQC: im lặng, không biết DD: khẳng định 1 hình ảnh

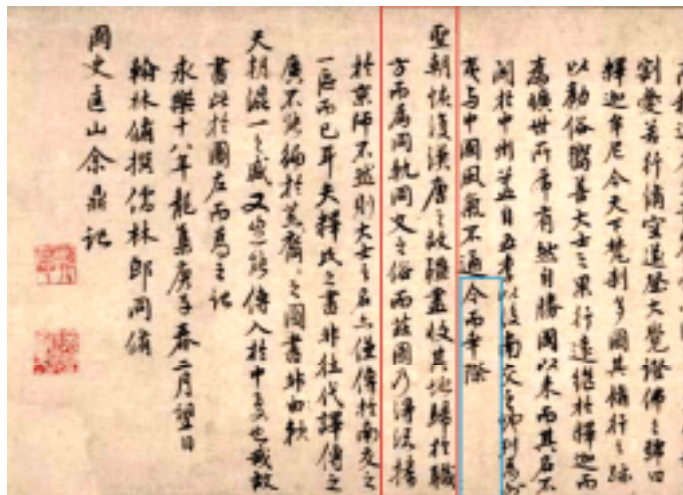
Qua bảng so sánh trên chúng tôi thấy, không thể phủ nhận lòng can đảm của Dư Đĩnh. Sau gần sáu chục năm không ai hiểu *TLĐSXŠS* nay ông đã cụ thể hóa vài chi tiết mấu chốt trong tranh. Ông đã “bóp méo” những thông tin của Trần Quang Chỉ cho khớp với ý nghĩ chủ quan của mình khi xem tranh. Một thí dụ: Dư Đĩnh “chộp” lấy chữ [vào] *động Vũ Lâm* [tu đạo] của Trần Quang Chỉ rồi suy diễn và khẳng định là “Nay bức họa miêu tả khi Ngài từ động Vũ Lâm xuống vậy”. Nói cách khác, ông đã *mạnh dạn đặt tên và tô màu* (Lâm Thời

Vũ đội “hoàng quan”, voi trắng chở kinh⁽¹¹⁾ cho *vài hình vẽ*; ông quên rằng TLĐSXŠ là tranh thủy mặc, chỉ có một màu đen với nhiều sắc thái đậm nhạt khác nhau. Cũng may, ông chỉ mới chú ý *qua loa* đến *Đoàn đang xuống núi* và cũng *không xem kỹ bức Họa* (ông viết “[các vị] đi theo đều [mặc] áo tăng già” nhưng trong *Đoàn đang xuống núi* có tới 9 vị không mặc áo cà sa) nên ngày nay các học giả ta mới có cơ hội tự do theo ông bình tán thêm. Cũng thấy Dư Đĩnh đã sắp xếp đúng tâm quan trọng của các nguồn thông tin: trước hết là từ bức Họa (thông tin 2, 3, 4 và 5), sau đó là từ Trần Quang Chỉ (thông tin 1) sau cùng từ *An Nam chí lược* (để viết về quan hệ giữa hai nước).

Nhân đây cũng ghi thêm ít nhất hai “công đầu” nữa của tiến sĩ Dư Đĩnh:

(1) Ông là người đầu tiên không tôn trọng tên bức Họa, bỏ chữ 之 trong 8 chữ tên tranh mà Trần Quang Chỉ đã ghi trong bài *Dẫn*; chắc chắn Dư Đĩnh có xem bài *Dẫn* (nên mới biết “động Vũ Lâm”, “đạo sĩ Lâm Thời Vũ”...). Ở bài *Tán 1* và 3, sai lầm của Dư Đĩnh đã được nhắc lại;

(2) Ông viết 交趾 (Giao Chỉ) với chữ 趾 (Chỉ) là *nền đất*. Trong khi Trần Quang Chỉ (cũng như sử sách Việt Nam và Trung Quốc đều) viết 交趾 **với chữ 趾 là ngón chân**.



Hình 12. Trích đoạn bài Ký của Dư Đĩnh tán tụng việc triều Minh xâm lăng nước ta.

Dư Đĩnh còn vui mừng với việc nhà Minh xâm lăng, sáp nhập và chia nước ta thành quận huyện như ở Trung Quốc (tạm dịch): *Ngày nay may mắn gặp được Thánh triều [triều đình (nhà Minh) sáng suốt như thần thánh, nên] khôi phục được lãnh thổ [như] đời Hán đời Đường [= khi nước Nam ta bị đô hộ lần thứ 2], thu lại trọn vẹn đất ấy [nước Nam] vào bản đồ, nhờ vậy phong tục mới đồng văn đồng quỹ [cùng dùng một thứ chữ, cùng dùng bánh xe một kích cỡ]...*

Có vẻ Dư Đĩnh không là một nhà “An Nam học”: ngoài 6 dòng dọc đóng khung đỏ trên, những thông tin khác về nước ta, đều là phỏng theo từ *An Nam chí lược*.

Dư Đĩnh sống trong triều đại nhà Minh nên ông không có ý thức về “sức mạnh nhân dân”. Sáu thế kỷ sau Dư Đĩnh, Trung Quốc trở thành nước cộng hòa nhân dân nên Từ Anh Chương (1999: 245) đã bổ sung yếu tố nhân dân: sau câu “Đại sĩ ngồi võng, đạo sĩ cưỡi bò, voi trắng chở kinh” ông Từ thêm sáu chữ 臣民拱迎路旁 (tạm dịch): *Thần dân [dân chúng] cung kính nghênh đón bên đường*. Nhưng trong số 61 người của *Đoàn đứng chờ đón* bên con đường mòn, không có ai là 臣民, tất cả đều là vua, quan cùng quân hầu đầy tớ!

Cũng qua đây, chúng tôi thấy Dư Đĩnh có thể là điển hình cho nhà Nho (Trung Quốc và Việt Nam) thời xưa và phần nào cũng như ngày nay: dựa vào *trí*

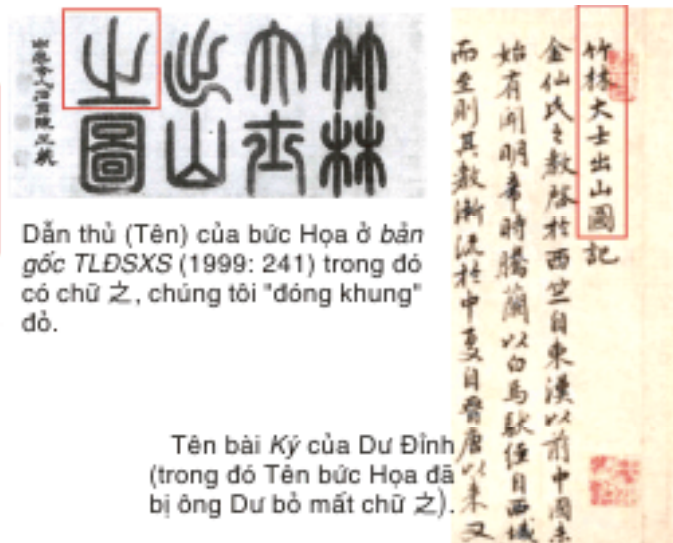
nhớ để *trích dẫn* (như vậy đã là đủ, theo cách làm việc của các nhà Nho xưa). Nói là dựa vào TLĐSXŠ nhưng thực tế là viết theo điều mình mới đoán/nghĩ ra; nói là theo ông Trần và *An Nam chí lược* nhưng thực tế là viết theo trí nhớ sau khi đọc lướt qua văn bản (một liếc mắt, xem chực dòng)!

Theo chân Dư Đĩnh, Tăng Khải (tác giả bài *Tán 1*) và sư Bạc Hiệp (tác giả bài *Tán 3*) đều KHÔNG tôn trọng tên của TLĐSXŠ. Ngày nay, người Trung Quốc mặc nhiên coi Dẫn thủ (Tên) của TLĐSXŠ không có chữ 之. Phần lớn các học giả, nhà nghiên cứu người Việt cũng theo chân họ coi Dẫn thủ chỉ có 7 chữ (một thí dụ, xin xem hình 13); có lẽ quý vị chưa bao giờ nhìn Dẫn thủ để thấy sờ sờ 8 chữ kiểu đại triện, viết thành 4 dòng dọc, và chữ thứ nhất dòng dọc thứ 4 (từ phải qua trái) là chữ 之.

và từng nhọc lòng cho việc quảng bá bức tranh.

Về lai lịch của Trần Đăng (1362 - 1428), người viết bảy chữ triện Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ ở đầu bức họa, Dương Sĩ Kỳ (1364 - 1444) thời Minh chép lại mộ chí của Trần Đăng cho biết, Trần Đăng là người Trường Lạc,

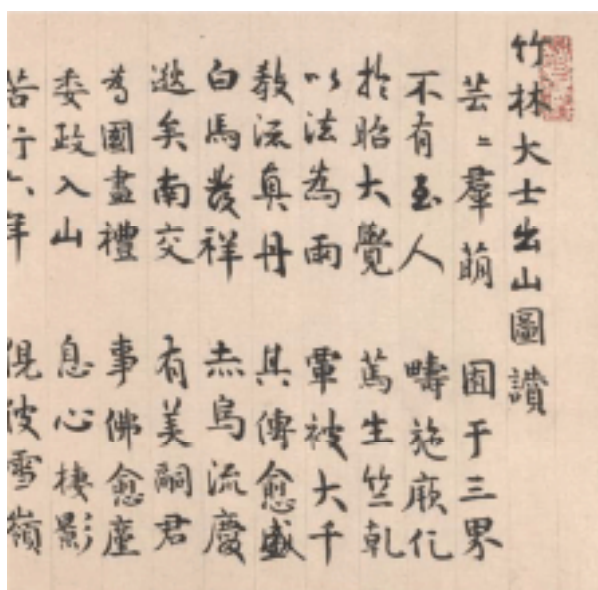
Hình 13. "Dẫn thủ bảy chữ", trích từ *Ngàn năm áo mũ* (2013: [129]).



Hình 14. Dẫn thủ (Tên) ở bản gốc với chữ 之 và Tên bài Ký của Dư Đĩnh, ở đó Dẫn thủ không có chữ 之.



Hình 15. Dư Đĩnh viết sai chữ 趾 trong 交趾 và Trần Quang Chỉ viết đúng chữ 趾 đó (交趾).



Hình 16. Tên bức Họa bị cắt bỏ chữ 之 ở bài Tán 3.



Ở bài Tán 1, tên bức Họa được đổi thành 竹林大士出山相圖 (圖). Có lẽ tác giả viết theo trí nhớ sau khi liếc mắt xoẹt qua mười dòng! Chữ thứ bảy 之 bị thay thành 相. Chữ đó viết tắt là điều có thể hiểu được.

Hình 17. Dòng Tên bức Họa ở bài Tán 1.

Nhìn chung, *Dư Đĩnh là người duy nhất có ảnh hưởng nhiều nhất và quyết định nhất* đối với phần lớn các nhà nghiên cứu, các học giả người Việt ngày nay (và có lẽ cả với các vị viết *Tán* sau ông rồi được bồi tiếp vào *TLDSXS*).

Phần III. Về vài điểm chính trong nội dung bức Họa *TLDSXS*

Bức Họa được chia thành hai phần rõ rệt: bên trái có cang-võng của Đại sĩ Trúc Lâm, bên phải thấy một vị cao lớn đáng vẽ Đường nhân, đứng chấp tay trước ngực, uy nghiêm; ngày nay chúng ta đều *đoán* vị đó là vua Trần Anh Tông.



Hình 18. Trích đoạn chính ở giữa bức Họa Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn chi đồ.

III.1. Vua Trần Anh Tông đón Đại sĩ Trúc Lâm?

Nếu chấp nhận cách hiểu như vừa nêu về Trích đoạn chính trên thì vẫn còn câu hỏi: Vua Trần Anh Tông có thực sự ra đón Đại sĩ Trúc Lâm khi Ngài xuống núi không?

Thời xưa mọi hoạt động của vua đều được ghi lại trong chính sử. Mặt khác các tăng sĩ lên núi tu luyện chỉ được thầy cho xuống núi khi đã đắc đạo. Đó là hai kiến giải cơ bản khi tìm lời đáp cho câu hỏi trên.

Chúng tôi dựa vào *Đại Việt sử ký toàn thư (ĐVSKTT)* để tìm lời đáp. *ĐVSKTT* là bộ chính sử duy nhất tương đối đáng tin. Nói là chính sử để phân biệt với các bộ *thực lục* dùng trong tôn giáo như *Thánh đẳng bảo lục*, *Tam tổ thực lục*... Nói là tương đối đáng tin vì bản khắc in năm Chính Hòa thứ 18 (1697) là một bản tổng hợp do nhiều người biên soạn, bổ chính, khảo đính... trong nhiều đời vua; mặt khác, không có một bộ chính sử nào khác để so sánh, kiểm tra đúng sai.

ĐVSKTT (tr. 23b, q. VI) cho biết: [Năm] *Mậu Thân*, [niên hiệu] *Hưng Long thứ 16* [1308] *Mùa thu, tháng 11, ngày mồng 3, Thượng hoàng băng ở am Ngọa Vân núi Yên Tử. Bấy giờ Thượng hoàng xuất gia, tu ở ngọn Tử Tiêu núi Yên Tử, tự hiệu là Đại sĩ Trúc Lâm.* (Gạch dưới của NQM).

Đó là lần đầu tiên và duy nhất thấy tự hiệu Đại sĩ Trúc Lâm (cùng thông tin về ngày Ngài hóa, mồng 3 tháng 11 năm Mậu Thân, Hưng Long thứ 16 [thứ bảy 24/11/1308]).

ĐVSKTT còn ghi thêm (tr. 16a, q. VI): [Năm] *Quý Mão*, [niên hiệu] *Hưng Long thứ 10* [1303], *mùa xuân, tháng Giêng, ngày 15* [tức thứ bảy 10/2/1303], *Thượng hoàng ở phủ Thiên Trường* [tr. 17b], *mở hội Vô lượng pháp ở chùa Phổ Minh, bố thí vàng bạc tiền lụa để chẩn cấp dân nghèo trong nước và giảng kinh Giới thi.*

Không một chữ nào về việc vua và các quan có dự hội Vô lượng pháp, và trước đó, đã đứng chờ đón Thượng hoàng! Cũng xin nêu là, *ĐVSKTT* ghi là Thượng hoàng, chứ không là Đại sĩ [Trúc Lâm].

Chúng tôi tóm tắt những thời điểm liên quan trong *ĐVSKTT* thành bảng sau:

Bảng 3. Những sự kiện chính liên quan đến vua/Thượng hoàng/Đại sĩ Trúc Lâm.

Sự kiện	Ngày tháng âm lịch	Ngày tháng dương lịch
<i>Lên ngôi</i>	22 tháng 10 Mậu Dần	Thứ ba 15/11/1278
<i>Nhường ngôi</i>	9 tháng 3 Quý Tỵ	Thứ năm 23/4/1293
<i>Về Hành cung Vũ Lâm</i>	[trước tháng 8] Giáp Ngọ	1294
<i>Rời Vũ Lâm về kinh</i>	Tháng 6 Ất Mùi	1295
<i>Xây am Ngự Dược</i> ⁽¹⁾	Tháng 7 Kỷ Hợi	1299
<i>Lên Yên Tử tu [xuất gia]</i>	Tháng 8 Kỷ Hợi	1299
<i>Vãn du các nơi</i>	Tháng 3 Tân Sửu	1301
<i>Mở hội Vô lượng pháp</i> ⁽²⁾	15 tháng 1 Quý Mão	Thứ bảy 10/2/1303
<i>Băng</i> ⁽³⁾	3 tháng 11 Mậu Thân	Thứ bảy 24/11/1308

⁽¹⁾ Trên núi Yên Tử; ⁽²⁾ Tại phủ Thiên Trường; ⁽³⁾ Tại am Ngọa Vân, ngọn Tử Tiêu trên núi Yên Tử.

Theo bảng 3, ta thấy nếu như có thực việc vua Trần Anh Tông đứng chờ đón Đại sĩ Trúc Lâm xuống núi thì việc đó chỉ có thể xảy ra trong giai đoạn từ 1299 đến 1308, nhưng theo chính sử lại không ghi chép gì về việc này. Trong *Thánh đẳng bảo lục*, *Tam tổ thực lục* thậm chí cả trong những sách đời sau như *Thiền uyển truyền đăng lục*, *Kiến tính thành Phật*... cũng đều không thấy nói đến việc đó.

*TLĐSX*S không là tranh duy nhất về một sự việc không có thực liên quan đến hai nhân vật lịch sử có thực. Trong hội họa Trung Quốc, theo chúng tôi biết cũng còn nhiều trường hợp tương tự nhưng nổi tiếng nhất và được các họa sĩ (thực sự) danh tiếng, thuộc loại hàng đầu trong toàn Trung Quốc liên tục sáng tác từ thế kỷ thứ 5 sau CN đến nay và rất có thể cả sau này; đó là bảy người hiền *có thật* sống thời nhà Tấn (TK 3-TK 5) nhưng *không có bằng chứng* là họ đã gặp nhau đông đủ tại một rừng trúc nào đó như thấy vẽ trong các tranh 竹林七贤 (Bảy người hiền [trong] rừng trúc) từ đó tới nay.

Bảy người hiền này là 1. Nguyễn Tịch (210-263), 2. Kê Khang (223-263), 3. Lưu Linh (221-300), 4. Sơn Đào (205-283), 5. Hướng Tú (221-300), 6. Vương Nhung (234-305) và 7. Nguyễn Hàm (?-?).

竹林七贤与荣启期 (Bảy người hiền trong rừng trúc và Vinh Khải Kỳ) là bức họa vẽ trên khoảng hai trăm viên gạch trong một ngôi mộ ở Giang Tô thuộc triều Tống (420-479) thời Lục Triều (420-581). Sang triều Đường (618-907), họa sĩ 孙位 (Tôn Vị) lại vẽ bức 竹林七贤图 trên giấy. Trong các triều Tống, Minh, Thanh có cả chục bức 竹林七贤图 và đều do các danh họa vẽ (triều Nguyên, chỉ dài hơn 1 thế kỷ lại nhiều chinh chiến nên không có họa phẩm nào về đề tài này). Thậm chí năm 1945 傅抱石 (Phó Bảo Thạch) vẫn còn vẽ 竹林七贤图 nhưng chưa hết, họa sĩ đương đại 范曾 (Phạm Tăng, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Họa pháp [Phương pháp hội họa] Trung Quốc, Đại học Bắc Kinh) còn hoàn thành bức 竹林七贤.



Bức vẽ cổ nhất (TK 5): 竹林七贤与荣启期

Bức vẽ đương đại: 竹林七贤

Hình 19. Hai trong rất nhiều bức họa về Trúc lâm thất hiền.

Không chỉ ở Trung Quốc, ở Liên Xô cũ, thời còn sùng bái cá nhân Staline cũng có một bức tranh được khá nhiều người biết, vẽ Lénine gặp Staline tại một bến đò có vẽ ở Georgia (quê hương của Staline). Sự thật lịch sử cho biết, hai nhân vật *có thật* Lénine và Staline chưa bao giờ gặp mặt nhau, nhất là ở một bến đò thuộc Georgia!

III.2. Nhìn toàn bộ đoạn giữa bức Họa, thấy rõ Đại sĩ ngồi cẳng-võng, phu cẳng *đang đi* (chỉ một tăng nhân cuốn cà sa hờ vai bên phải là *đứng* thiên, tất cả 11 người ở đây đều *đang đi* - vạt áo hơi cong theo bước chân di chuyển và có lẽ do đi đường mệt nhọc nên họ đi rời rạc, thành từng nhóm nhỏ). Vua cũng như các vị khác đều *đứng* chờ đón (17 người ở đoạn trích này, đáng vẽ đều nghiêm



Tăng nhân (đứng)
khoác cả sa hờ
vai phải.

Hai tăng nhân người
Hồ (có lẽ đứng) đang
nói chuyện riêng.

Hình 20. Ba tăng nhân có dáng đứng trong
Đoàn đang xuống núi.

trang, tĩnh tại, trừ vị thất lung bó que, ngang tàng vác kiếm trước mặt vua và 4 vị không râu ria [hoạn quan chẳng?] mỗi vị cầm một thứ đồ phục vụ vua [tráp, ống phóng, quạt lông, kiếm]... Trong *Đoàn đang xuống núi* còn 2 vị nữa có lẽ đang đứng nói chuyện riêng, đó là 2 vị có dáng vẻ tăng nhân người Hồ ở cuối cùng bức Họa.

Hội họa truyền thống Trung Hoa nổi bật về tính ước lệ. Bao giờ họa sĩ cũng vẽ theo những quy ước “vàng” như người nam mặt đầy đặn, tròn trịa, phương phi, có râu ria (thường là râu quai nón, loại râu dê; nếu tai dài, tóc mai dài, râu dài thì đúng là “tướng mạo thiên tử”), người

nữ thường là tóc dài, dáng người mảnh khảnh, nhỏ nhắn, chân yếu tay mềm. Phân biệt sang hèn qua quần áo: người sang mặc áo dài rộng, ống tay áo càng rộng càng quý phái, mũ đai hia mỗi thứ bậc một khác, người hèn thì ống tay áo hẹp, thất lung bó que.⁽¹²⁾ Người quan trọng thì vẽ to, cao lớn hơn bọn thuộc hạ. Chủ bao giờ cũng cao lớn, đi/đứng đầu, thuộc hạ nhỏ bé, đi/đứng sau ở hai bên, phò tá cho chủ. Khi gặp nhau, người dưới phải đi nhanh về hướng người trên, đó là quy pháp lễ nghi.

Minh họa cho những quy ước trên, theo chúng tôi, có thể dùng trích đoạn sau, lấy từ một thủ quyển dài 41 x 723,8cm, cũng về cảnh đón tiếp, đó là bức 歸莊图 (*Quy trang đồ*) do He Cheng (1224-sau 1315) vẽ theo bài 歸去來辭 (Lời từ biệt khi [từ quan] về) của Đào Tiềm (陶潛, 365-427).⁽¹³⁾



Hình 21. Trích đoạn chính của 歸莊图 (*Quy trang đồ*),
vẽ trước TLĐXSXS.

Chúng ta thấy hai phu đồ đang kéo thuyền cặp bến, hai người quỳ mọp xuống đất vái, một vị đang chấp tay giơ cao vái, ba vị ngang hàng với Đào Tiềm (vẽ cao lớn bằng nhau) đứng nói chuyện, vợ con gọi nhau ra đón Đào Tiềm (nhân vật chính nên chững chạc to lớn hơn và đứng trên thuyền). Tất cả 13

người, người lớn trẻ em, nam nữ, mỗi người một dáng vẻ sinh động, nồng nhiệt đón một người...

So sánh trích đoạn trung tâm của *Quy trang đồ* với trích đoạn tương tự trong *Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn chi đồ* thấy sự khác biệt khá lớn: Ở *Quy trang*

đồ là Mọi người ra chào đón Một người chính đang cặp bến và ở TLĐSXS là Một người chính (cùng văn võ bá quan, quân hầu đầy tớ) đứng chờ đón Cha mình nay tu thành chính quả đang đi xuống núi!

Về như vậy trong TLĐSXS là có ý gì? Có phản ánh hiện thực và theo ước lệ của hội họa truyền thống Trung Quốc chăng? Nên nhớ rằng, Đại sĩ là *cha ruột* của vua và trước khi xuất gia đi tu, đã là vua (1279-1283) rồi là Thượng hoàng (1293-1299). Đầu đời Trần, các Thượng hoàng còn nhiều uy quyền và còn tích cực hoạt động chính trị, quân sự... Trong hoàn cảnh lịch sử đó mà vua con vẫn là Thiên tử (với ý, “nhất trên đời”, được Dư Đĩnh mô tả là [tạm dịch] *cung kính nghênh đón Ngài [Đại sĩ] trên đường*) và còn “vô lễ” đứng chờ cha già đi đường xa mệt nhọc (dù ngồi cáng-võng) chăng?⁽¹⁴⁾ Cũng nên biết là, mọi người trong *Đoàn đang đứng chờ đón* đều được vẽ lớn hơn cả Đại sĩ Trúc Lâm, nghĩa là theo ước lệ trong hội họa cổ Trung Hoa, tất cả bọn họ đều quan trọng, đáng quý hơn cả Đại sĩ chăng?

III.3. Trong TLĐSXS chúng tôi thấy 2 nhóm người rất đáng chú ý mà chưa ai nói tới; đó là (1) nhóm 4 người không râu ria quanh cáng-võng của Đại sĩ và (2) nhóm 17 người cũng không râu ria trong Đoàn đứng chờ đón.

III.3.a. Nhóm 4 thị nữ (?)



Hình 22.
Nhóm đi
đầu Đoàn
đang
xuống núi.

Trong những người đi *trước* cáng, có 3 vị tóc rậm, che kín gáy, mặc áo sẫm màu, ống tay áo hẹp, thắt lưng bó que nhạt màu; chỉ vị đi giữa có *ria* mép cong, cụp, *râu cằm* kiểu râu dê, người đậm và cao lớn hơn hai vị kia. Vị vác lọng (cán ngắn khác thường) bên vai trái, vai phải so cao, *không râu ria*, người mảnh khảnh, lưng hơi cong (có vẻ lọng quá nặng với vị này!). Vị thứ ba khiêng cáng bên vai trái, hai tay nắm lấy đòn cáng, cũng *không râu ria*, người mảnh khảnh, lưng hơi cong (có vẻ cáng cũng quá nặng!).

Đi sau cáng thấy 5 người, chúng tôi chú ý đến 3 vị mặc áo sẫm màu, giống hết 3 vị đi trước cáng vừa nêu trên. Một vị có râu ria, người đậm đà, dáng hơi cong cong, cao hơn hẳn 2 vị kia. Hai vị không râu ria, dáng mảnh khảnh, thấp hơn vị có râu, lưng hơi cong (có lẽ vì cáng quá nặng?). Vị không râu ria, đứng

sát phía sau cánh, để đòn cánh dè lên vai trái, hai tay ôm lấy đoạn đòn cong; vị không râu ria thứ hai đưa hai tay vịn vào đầu mút đòn cánh. Như vậy cả bốn “phu cánh” (tóc kín gáy, ba không râu ria, chỉ một có) đều để tay lên đòn khiêng. Đáng chú ý là bốn vị không râu (trước và sau cánh) đều thấy vẽ lưng cong cong, chỉ hai vị có râu được vẽ lưng thẳng (dù đang vác quạt hay khiêng vông). Trông mặt hai vị không râu ria sau cánh có cảm giác tính nữ khá rõ. Phải chăng đó là bốn thị nữ? Nếu đúng vậy thì đó là bốn người nữ duy nhất trong thế giới người nam ở TLDSXS.



Tốp bốn vị đi trước cánh.



Tốp năm vị đi sau cánh.

Hình 23. Những vị đi trước và đi sau bên cánh vông của Đại sĩ Trúc Lâm.



Hai gương mặt và những bàn tay nhiều tính nữ.

"Thị nữ" thứ nhất. "Thị nữ" thứ hai. "Thị nữ" thứ ba và thứ tư.

Hình 24. Bốn vị có vẻ là thị nữ.

III.3.b. Nhóm 16 (+3?) hoạn quan (?)

Phần lớn những vị trong Đoàn đứng chờ đón đều được vẽ với râu ria đầy đủ, đúng theo ước lệ kinh điển về đàn ông Tàu. Nhưng một số vị lại mặt mày nhẵn nhụi, không râu ria đứng lẫn trong những vị có râu. Họ đều trông còn trẻ (trừ một vị) đội mũ cánh chuồn ngắn, sáng màu, áo cũng sáng màu, ống tay áo người thì rộng, người thì hẹp nhưng tất cả đều thắt lưng bó que (chi tiết nói họ là thuộc hạ), quần sẫm màu. Theo trình tự tính từ giữa tranh sang phải, chúng tôi thấy họ đứng thành 4 nhóm: Nhóm 1 đứng gần vua Trần Anh Tông, có 4 vị, mỗi người bưng một thứ đồ phục vụ chủ (vua) như tráp, ống phóng, quạt lá

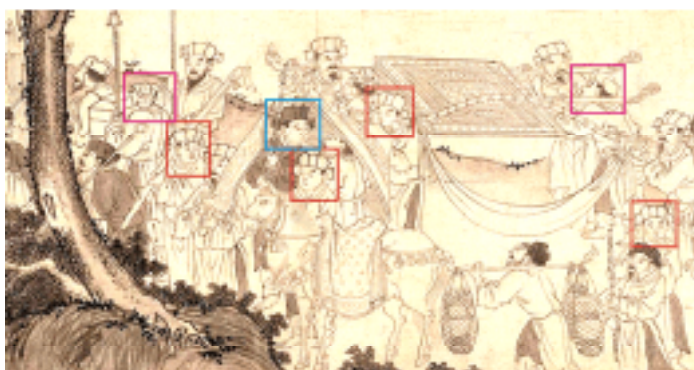
(loại nhỏ) và gương; Nhóm 2 gồm 6 vị, người khiêng cáng-ngai, người vác gậy, người đeo rương gỗ trên vai... Nhóm 3 gồm 5 vị trong đó 1 vị mũ áo đều sẫm màu có thể có chức vụ cao trong số các hoạn quan và 2 vị nghi ngờ (do không nhìn rõ cả mặt nên không hoàn toàn chắc chắn là không có râu). Nhóm 4 gồm 1 vị chắc chắn và 1 vị nghi ngờ. Cộng lại có 16 vị không râu ria và 3 vị không chắc 100% là không có râu (nghi ngờ). Họ có thể là hoạn quan chăng?



Nhóm thứ Nhất: 4 vị (từ thứ 1 đến thứ 4).



Nhóm thứ Nhì: 6 vị (từ thứ 5 đến thứ 10).



Nhóm thứ Ba: 5 vị (từ thứ 11 đến thứ 15) trong đó 1 vị mũ áo đều sẫm màu (trong khung xanh) có thể có chức vụ cao trong số các hoạn quan và 2 vị nghi ngờ (đóng khung đỏ gạch đậm, không liên tục).



Nhóm thứ Tư: 1 vị (thứ 16) và 1 vị nghi ngờ.

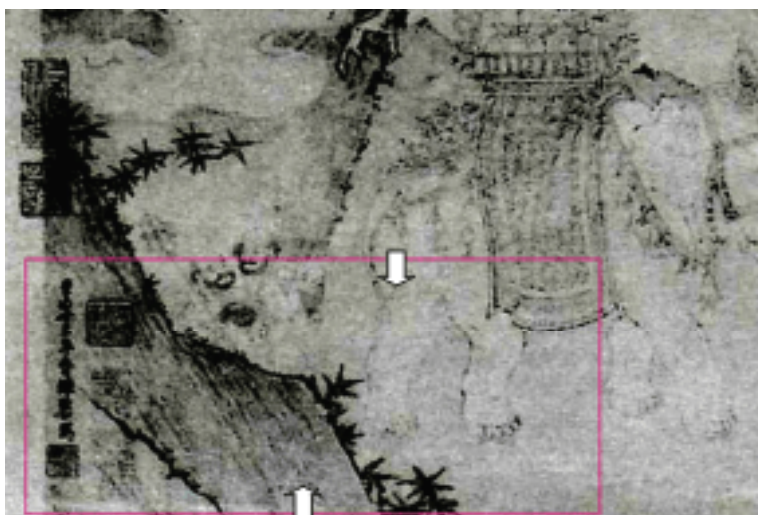
Cộng lại có 16 vị không râu ria và 3 vị không chắc 100% là không có râu (nghi ngờ); họ có thể là hoạn quan chăng?

Hình 25. Hình các "hoạn quan" trong Đoàn đùng chờ đón.

Phần IV. Tạm kết luận

Còn nhiều câu hỏi về *TLĐSX* và, chúng tôi nghĩ, sẽ không có câu trả lời với chứng cứ khách quan cho phần rất lớn những câu hỏi đó. Chẳng hạn về Lạc khoản của bức Họa. Từ Anh Chương (1999: 245, 248) hai lần khẳng định vùng Lạc khoản bị bồi dấn.

Trong khung đỏ là vùng có thể bị bồi dấn, càng vào phía giữa bức Họa dấu vết càng không rõ; nếu dùng kỹ thuật tách lớp 3D, có thể xác định được rõ hơn



Hình 26. Trích phần cuối bản gốc bức Họa, vùng có dấu vết bồi dán.

tiếc thay, ở Trung Quốc nay không còn bút tích cũng như tranh, dấu ấn nào của ông. Nói cách khác, sẽ không bao giờ có câu trả lời về đúng-sai của Lạc khoản này.



Hình 27. Trích đoạn từ bản in lại của bản sao, ở đây vẫn còn thấy dấu vết bồi dán.

nhiều câu hỏi?

Chúng tôi nghĩ, *TLĐSX* cũng như các sách cổ chữ Trung, chữ Nho, chữ Nôm đã được người xưa vẽ, viết rồi sửa chữa, sao chép theo tinh thần “mạnh ai nấy làm”, không nhất thiết phải ghi rõ tên tuổi, ngày tháng... Ngày nay, chúng ta phải chấp nhận tình trạng ấy. Không bao giờ chúng ta tìm được bản gốc đầu tiên của chính tác giả. Mọi hiệu đính, san định... chỉ là *tạo thêm một dị bản mới* và làm phức tạp thêm cho “vấn đề” vốn đã mù mờ và “rối như canh hẹ”. Hoàn toàn đúng chẳng ý kiến của TS J. Richardson về thị trường tranh cổ Trung Quốc? (xin xem chú thích 1).

ranh giới một hay những lần bồi dán. Trong vùng giả định đó, không chỉ có Lạc khoản mà còn cả một số hình người, đá cùng cây cỏ và nhiều dấu ấn.

Dưới dòng Lạc khoản với 10 chữ có hai dấu ấn cho là của Trần Giám Như. Việc phải làm là xác định, theo tự dạng, 10 chữ đó có đúng là do Trần Giám Như viết hay không? Hai dấu ấn đó mang tên/hiệu của ông Trần, vậy có đúng là của ông hay không? Nhưng,

Ngoài ra, mảnh giấy có Lạc khoản và dấu ấn tên Trần Giám Như lớn bao nhiêu? có cùng loại với giấy vẽ bức Họa hay không? bồi dán bằng “hồ/keo” gì? lúc nào? do ai làm?... Hầu như sẽ không bao giờ có lời đáp cho ít nhất hai câu hỏi cuối cùng.

Chỉ với một Lạc khoản mà đã có nhiều câu hỏi không lời đáp như vậy, thử hỏi với Dẫn thủ, với bức Họa, với phần Thư, cả về nội dung lẫn văn bản, sẽ có bao

Nếu Trần Giám Như không là tác giả thì việc truy tìm tác giả còn rộng lớn, khó khăn khôn cùng. “Tác giả người Việt” không là hệ quả tất nhiên và duy nhất. Ngắm TLĐSXŠ thấy “tính tranh Tàu” rõ mồn một, từ người (kể cả vua Trần Anh Tông) đến cây lớn, cây nhỏ, núi xa xa, đá bên đường... Nếu muốn một có xác định được là tranh vẽ ở Việt Nam thì cũng không tất nhiên tác giả là người Việt. Trước đây các ông “thầy Tàu” lang thang đi bán tranh và vẽ truyền thần nhan nhản trong dân gian. Đến đầu TK 20 còn gặp ở vùng Hà Nội một hình ảnh của các vị “thầy Tàu” này và tranh do họ bán.



Hình 28. Ba hình lấy từ *Kỹ thuật của dân Nam* (vẽ và in ở Hà Nội, 1908-1909; do người Nam thực hiện dưới sự điều phối của Henri Oger).

Thị trường vẽ truyền thần ở Hà Nội và Sài Gòn trước đây đều do người Hoa chiếm lĩnh. Trong giới này, tương truyền chân dung Nguyễn Trãi (1380-1442) và Nguyễn Văn Siêu (1799-1872) đều do... các thầy Tàu vẽ.

Nhiều người, như Từ Anh Chương và các vị viết mục TLĐSXŠ trên Wikipedia tiếng Việt tuy đông dài về tác giả và tính thật-giả của Lạc khoản nhưng cuối cùng, vẫn coi TLĐSXŠ là được vẽ vào cuối triều Nguyên - đầu triều Minh hay như Wikipedia tiếng Việt đã xếp bức này

vào “*Thẻ loại: Hội họa Trung Quốc, Thế kỷ 14, Trung Quốc, Văn hóa Trung Quốc, Tranh Trung Quốc, Nghệ thuật Trung Quốc*”! Họ làm vậy là vì họ dựa vào chính bức tranh chứ không tin vào những gì các học giả, các nhà nghiên cứu ta viết/nói, nhiều khi chỉ theo óc suy tưởng!

Thêm nữa, *Tận tín thư bất như vô thư*: Quá tin vào sách thì thà không có sách còn hơn, lời dạy của ông cha vẫn còn vang vọng bên tai. Mặt khác, cho đến nay nổi ám ảnh về vụ tác giả bài thơ nổi tiếng *Nam quốc sơn hà Nam đế cư* vẫn chưa phai mờ.

Một phần những thông tin quan trọng liên quan đến TLĐSXŠ được viết bằng chữ Trung và nằm ở Trung Quốc nên thực khó tiếp cận vì vậy một vài học giả, nhà nghiên cứu ta đã cố hết sức “giữ tử” trong... thời đại điện tử toàn cầu hóa! Để viết bài này, chúng tôi đã cố tìm tài liệu gốc và nay sẵn sàng chia sẻ với quý vị quan tâm. Nếu cần, xin liên hệ qua địa chỉ quangminh46@gmail.com.^(*)

N Q M

* Xin chân thành cảm ơn một số vị đã tận tình giúp đỡ tài liệu và ý kiến như các bà Trần Kim Cúc (Thư viện Khoa học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh), M. F. June (見世君, 東城區圖書館), 保国阳 (上海图书馆), các ông Zuo Xinyang (左昕阳, 中国古代书画部, 北京保利国际拍卖有限公司), 马宝杰, 张春鹰 (辽宁省博物馆), 孙建民, 蔡昌平 (中国书画研究院), 宋繁林 (中国书画艺术研究院), TS J. Richardson (Freer Gallery of Art, Smithsonian Institution). NQM.

CHÚ THÍCH

- (1) Những người đã từng dự các cuộc đấu giá quốc tế các tác phẩm nghệ thuật đều biết rất rõ những thủ đoạn mờ ám, nâng giá. Vì vậy, người ta chỉ tin vào những công ty đấu giá có uy tín và nghiêm chỉnh như Christie's, Sotheby's và thường phải tổ chức bán ở xa nơi xuất xứ của mặt hàng đem bán. Công ty [quốc doanh] Beijing Poly International Auction Co. Ltd. mới thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2005, chuyên bán các cổ vật của Trung Quốc và cho đến nay, chỉ tổ chức các phiên đấu giá trong lãnh thổ nước này. Việc Lạc khoản của TLĐXSX có thể bị bôi dấn sau khi sáng tác bức Họa là một bằng chứng về mức khả tín của các mặt hàng do Beijing Poly đem bán. Tiến sĩ J. Richardson (Freer Gallery of Art, Smithsonian Institution, trao đổi riêng 12/8/2013) cho biết: *Ngày nay thế giới "thu nhỏ", thành phần khách hàng mua tranh cổ mở rộng nhiều, yêu cầu mua tranh tượng cũng cao hơn hẳn trước đây. Ngoài các bảo tàng, các triệu phú Âu Mỹ còn thêm các nhà giàu mới nổi người Hoa (ở Trung Quốc và nước ngoài), người châu Á, Trung Cận Đông... Ngoài người Hoa, rất hiếm người nước ngoài quan tâm đến các tranh và các bức thư pháp cổ của Trung Quốc. Một nguyên nhân quan trọng là không có khả năng kiểm tra thật-giả; tác giả không rõ ràng; thời điểm sáng tác mù mờ; nguồn gốc không chắc chắn và liên tục, giấy chứng nhận không hợp pháp... Do không hội đủ các điều kiện đáng tin tối thiểu nên nhiều công ty đấu giá uy tín quốc tế đã từ chối rao bán nhiều hiện vật nói là lấy từ national treasures [quốc bảo?] của Trung Quốc (nhưng không có giấy chứng nhận của chính quyền). Tâm lý khách hàng cũng thay đổi, những triệu phú mới nổi thường không am tường nghệ thuật mà lại "coi tiền như rác", họ không mua tranh mà mua tiếng nên nảy sinh nhiều bất ngờ! Giá trao hàng 142,4 triệu USD - kỷ lục mới trên thế giới - cho chùm họa phẩm Three Studies of Lucian Freud do Francis Bacon sáng tác năm 1969 có thể là một minh chứng chẳng? Tối 12/11/2013 tại Aquavella Galleries ở Manhattan, New York, Công ty Christie's đã bán, trong 6 phút, chùm tranh với giá trên sàn là 127 triệu USD. Sáng ngày sau, báo chí Hà Lan đưa tít lớn: Bacon đã chen lấn Van Gogh và Rembrandt ở quầy thu ngân.*
- (2) Chúng tôi không xác định được nguồn gốc của tin nói "ông Lý Bách Lâm, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Thư Họa Trung Quốc nhận định giá đấu giá TLĐXSX là "phi lý tính". Trong mail trả lời người viết bài này ngày 23/10/2013 Viện trên cho biết không có ai tên là 李栢林 giữ chức vụ Phó Viện trưởng viện đó ở địa chỉ bưu điện 北京市, 南区, 和平门邮局, 196信箱. Ở Trung Quốc còn một viện nghiên cứu thư họa nữa mang tên 中国书画艺术研究院 [Viện Nghiên cứu Nghệ thuật Thư Họa Trung Quốc] ở 北京市, 丰台区, 北大街, 北里甲, 1号, 四海强龙写字楼, 8410室; 8306室. Trong danh sách lãnh đạo của viện này cũng không có ai mang tên 李栢林!
- (3) Ở Bảo tàng tỉnh Liêu Ninh còn có một bức họa với tên 竹林高士圖 (Trúc Lâm cao sĩ đồ), cũng bắt đầu bằng hai chữ 竹林!
- (4) Trên các trang web chữ Trung, tác giả TLĐXSX đều là Trần Giám Như đời Nguyên duy trang web của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Truyền bá Nghệ thuật [mang tên] Đại Hàn Đường tỉnh Hà Bắc (Trung Quốc) coi TLĐXSX là tranh đời Minh và tác giả: khuyết danh!
- (5) Trên cơ sở niềm tin thì có niềm tin đúng và niềm tin sai. Giáo lý nào chẳng pha trộn giữa [nhiều] huyền hoặc và [ít] hiện thực lịch sử.
- (6) *Bình Ngô đại cáo* không còn bản gốc, những bản chữ Nho ngày nay dùng đều có sai biệt và đều không có lạc khoản nhưng ngày nay các nhà Nho đều cho là chép lại, nhiều hay ít lần từ bản được viết khoảng năm 1427-1428.
- (7) Theo tài liệu từ hai hội nghị quốc tế *Painting Techniques 2013*, Amsterdam, 18 - 21/9/2013 và *TECHNART 2013*, Amsterdam, 23 - 27/9/2013.
- (8) Hình như chưa một người Việt nào, kể cả người viết nhiều nhất, lâu nhất về TLĐXSX (ông Nguyễn Nam) lẫn người viết những dòng này, đã tận mắt xem bản gốc TLĐXSX ở Bảo tàng tỉnh Liêu Ninh. Muốn xem được bản gốc không dễ vì TLĐXSX không được trưng bày; chúng tôi liên hệ từ ba tháng nay mà vẫn chưa được giấy phép. Từ năm 2006 đến nay, tất cả các bản đến với công chúng ở Trung Quốc và Việt Nam đều thuộc hai loại: bản sao với "kỹ thuật cao" (trưng bày ở Bắc Kinh cuối năm 2006 và bán đấu giá tháng 4 năm 2012) và bản in lại cũng với "kỹ thuật cao". Các nhà nghiên cứu, các học giả ta nghe nói đến "kỹ thuật cao" là thỏa mãn, chưa ai hỏi "kỹ thuật cao" là kỹ thuật gì? thế nào là "cao"? và "cao" nhiều hay ít? "cao" với Trung Quốc hay với thế giới? vào lúc nào (năm 2006 hay hiện nay)?...

- (9) Chúng tôi mạn phép thêm hai chữ *Thượng hoàng* trước ba chữ **Trần Nhân Tông** để tỏ lòng tôn kính một trong những nhân vật lịch sử rất đáng kính và thêm chữ *chỉ* vào tên bức họa-thư, để thể hiện sự kính trọng nguyên tác.
- (10) Trên danh nghĩa, *An Nam chí lược* (ANCL) là một trong những bộ sách xưa nhất viết về lịch sử nước ta (biên soạn khoảng nửa đầu thế kỷ 14). Tác giả là 黎崱, trước đây phiên âm là Lê Tắc, từ khoảng những năm 1960 là Lê Trắc và mới đây, theo Lê Mạnh Thát, “đúng” ra là Lê Thực! Ông người Nam Việt, chưa rõ năm sinh, năm mất, lưu vong sang Trung Quốc tháng 2 năm Ất Dậu (1285), làm quan triều Nguyên, soạn ANCL lúc về già, khi ở Trung Quốc đã được vài chục năm, *từ những quan sát thực tế lúc còn ở quê nhà [do nhớ lại nên nhiều khi có sai sót] và từ những sách vở, tài liệu của ta và chủ yếu là của Trung Quốc* và theo quan điểm của nhà Nguyên. ANCL được ghi là có 20 tập và được hơn mười vị quan lớn triều Nguyên đánh giá cao, đưa vào bộ *Kinh thế đại điển* dưới tên *An Nam phụ lục*. Nhưng sau đó chính bộ *Kinh thế đại điển* lại bị thất truyền. Đến đầu đời nhà Minh, ANCL lại được chép trong bộ *Vĩnh Lạc đại điển* [do hai nghìn học giả thực hiện, tập hợp hơn tám nghìn tác phẩm, gồm 11.095 quyển, 50 triệu chữ] nhưng phần chép ANCL sau đó cũng lại bị thất truyền. Sang đời nhà Thanh, khi vua Càn Long giám sát soạn bộ *Tứ khố toàn thư* [do 361 học giả thực hiện, tập hợp hơn mười nghìn tác phẩm, kể cả ba nghìn tác phẩm bị đốt vì nghi là “phản động” - có tư tưởng chống nhà Thanh, bộ này có 79 nghìn phần, đóng thành 36.381 quyển, 2,3 triệu trang sách, khoảng 800 triệu chữ] thì ANCL lại được đưa vào bộ sách lớn này. Lúc này ANCL chỉ còn 19 quyển. Như vậy, từ khi ANCL ra đời, những người Trung Quốc soạn đại điển hay toàn thư đời nào cũng đều coi trọng bộ ANCL.
- “Bản ANCL thông dụng bấy lâu nay là *san bản* của nhà Lạc Thiện Đường do Kishida Ginko (người Nhật) ấn hành năm [Nhật hoàng] Minh Trị thứ 17 (1884) tại Thượng Hải (Trung Quốc). Theo Ginko, đây là bản do Thiệu Thiêm Tiên Trúc Đình tự tay *hiệu chính*, và trước kia nó thuộc tàng thư cũ của Ngũ Nghiện lâu. Lúc này ANCL cũng chỉ có 19 quyển.
- Ngày 31 tháng 3 năm 1960, sau khi đã tổ chức phiên dịch, Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam trực thuộc Viện Đại học Huế đã giới thiệu một bộ ANCL mới. Theo “Phạm lệ”, thì Ủy ban đã lấy bản của Lạc Thiện Đường, bản sao do Tiên Đại Hàn tự tay *hiệu đính* (lúc đó tàng trữ tại Nội Các văn khố Nhật Bản), bản sao của Văn Lan Các (lúc đó tàng trữ tại Đông Kinh Tỉnh Gia Đường văn khố) và bản sao ở British Museum (London, Anh) để làm ra, và đặt tên là “*An Nam chí lược hiệu bản*.” (Lược trích từ Wikipedia tiếng Việt, truy cập 1/9/2013).
- Chúng tôi nghĩ, ANCL dù viết bằng chữ Trung nhưng cũng như các sách chữ Nho khác của ta, đều đã “thất truyền” nhiều lần sau đó, được không biết bao nhiêu người (đối với ANCL, người Trung, Nhật, Việt) *hiệu đính, hiệu chỉnh, san định*... Tuy trên danh nghĩa, bộ sách này được biên soạn từ thế kỷ 14 nhưng thực tế, bản khắc in cổ nhất chỉ mới vào năm 1884. Ngày nay ta lại dịch từ “hiệu bản” chữ Trung đó sang chữ Quốc ngữ. *Tam sao thất bản*, chỉ sau ba lần sao chép đã không còn giống như bản gốc nữa thì thử hỏi, sau không biết bao lần “thất truyền”, “hiệu đính” rồi lại *dịch* sang chữ Quốc ngữ (riêng việc phiên tên soạn giả đã có khó khăn), không rõ còn giống bản gốc của Lê Trắc được bao phần?
- Khi làm bản về TLĐSXŠ, chúng tôi rất chú ý đến ANCL vì cả hai, trên danh nghĩa đều hình thành vào thế kỷ 14, gần nhau nhất về mặt thời gian; mặt khác Lê Trắc lại có thực tế tại chỗ trước khi qua Trung Quốc.
- (11) Có thể Dư Đĩnh đã bị ảnh hưởng của *Tây du ký* - một truyện khá phổ biến thời đó ở Trung Quốc khi viết “voi trắng chở kinh”, chép từ nguyên mẫu *Bạch long mã* của Đường Tam Tạng!
- (12) ĐVSKTT, Bản kỷ, q.VI, tr. 16a cho biết ở ta cũng vậy: [Năm] *Canh Tý*, [niên hiệu] *Hưng Long thứ 8* [1300] ... *Mùa đông, tháng 10, quy định kiểu mũ áo mới của quan văn võ. Quan văn thì đội mũ chữ đinh màu đen, tụng quan thì đội mũ toàn hoa màu xanh vẫn như quy chế cũ. Ông tay áo của các quan văn võ rộng 9 tấc đến 1 thước 2 tấc, không cho dùng từ 8 tấc trở xuống. Các quan văn võ không được mặc xiêm, tụng quan không được mặc thường (mũ toàn hoa xanh có hai vòng vàng đính vào hai bên).*
- (13) Theo thư tịch Trung Quốc, năm Đào Tiềm khoảng 40 tuổi, vì nhà nghèo lại phải nuôi mẹ già, vợ đại con thơ, nên ông ra làm Huyện lệnh Bành Trạch (vì thế ông còn được gọi là Đào Bành Trạch, một tên khác nữa là Đào Uyên Minh). Được hơn 80 ngày, nhân cuối năm quận phái viên đốc bưu đến huyện, nha lại khuyên Đào Tiềm chỉnh đốn y phục ra đón. Ông than rằng [dịch đại ý]: *Ta sao lại có thể vì năm đầu gạo mà phải chịu còng lưng, vòng tay thờ bộn*

tiểu nhân nơi thôn xóm ấy ru! Ngay hôm ấy ông viết bài 歸去來辭 (Quy khứ lai từ) rồi treo ấn từ quan mà về.

- (14) Trên trang mạng *Quê choa*, có một đoạn nói đúng tâm lý người Việt thời nay trong hoàn cảnh tương tự, chúng tôi xin trích để rõ trắng đen: “*Bác Ba Phi nghĩ bụng con này lão, nó là phận con cái, lẽ ra nhìn thấy cha mẹ thì phải chạy bổ tới chứ sao lại ngồi như bụt mọc, miệng nhai nhồm nhoàm mà vầy bác tới. Mà cả cái thằng rể nữa kìa. Nó nhìn thấy bác mà cứ tỉnh bơ chúm mũi vào ăn không thèm ngưng lại chạy tới hỏi chuyện bố vợ lấy một câu. Mẹ kiếp đã vậy tao coi như cầm mù điếc không nghe thấy, không trông thấy và miệng cũng chẳng nói gì.*” (Truy cập 12/7/2013).

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. <http://vi.wikipedia.org> từ khóa Đào Tiềm (truy cập 30/5/2013).
2. <http://vietnamese.cri.cn/chinaabc/chapter15> (truy cập 31/5/2013).
3. <http://www.thivien.net/viewpoem.php?ID=1462> (truy cập 31/5/2013).
4. *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội, 1971.
5. Lê Trắc. *An Nam chí lược*, bản dịch tiếng Việt, Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam, Viện Đại học Huế, 1961, bản mềm trên www.vietnamthuquan.net, Lê Thy và hội viên thuvienvietnam.com đánh máy, NHTD đưa lên 23/6/2007, truy cập 16/4/2013.
6. *The Art of China - 3000 Years of Art and Literature*. Edited by Jason Steuber. First ed. London, Scriptum Editions, 2007.
7. Baron, Samuel. *A Description of the Kingdom of Tonqueen (1685-1686)*, rpt in *Views of Seventeenth Century Vietnam - Christoforo Borri on Cochinchina and Samuel Baron on Tonkin* (Introduced and Annotated by Olga Dror and K.W. Taylor). Ithaca, New York, Cornell University, 2006.
8. Cao Tự Thanh. “Độc chuyên khảo về bức họa ‘Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ’”, tạp chí *Văn hóa và Du lịch*, số 11 (tháng 5), 2013.
9. Chang, Joseph and Bai Qianshen. *In Pursuit of Heavenly Harmony - Paintings and Calligraphy by Bada Shanren [Bát Đại Sơn Nhân] from the Estate of Wang Fangyu and Sum Wai*. Washington D.C., Freer Gallery of Art, Smithsonian Institution, 2003.
10. Clunas, Craig. *Elegant Debts - The Social Art of Wen Zhengming [Văn Trình Minh]*, 1470-1559, London, Reaktion Books, 2004. Bầy trang tên các họa sĩ và người có viết, vẽ trước TK 15-16.
11. Dương Quảng Hàm. *Việt Nam văn học sử yếu*, Sài Gòn, Bộ Giáo dục, Trung tâm Học liệu xuất bản, 1968. Bản in lại của Cơ sở xuất bản Đại Nam, Glendale (California, USA), [s.d.].
12. Hồ Bạch Thảo. “Hiếu Nho văn không dễ”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 1(84). 2011, tr. 29-34.
13. Lê Mạnh Chiến. “Vài điều cần trả lời sau khi đọc bài ‘Khởi nghĩa Mai Thúc Loan - năm khởi đầu và kết thúc’ của GS Phan Huy Lê, trên báo điện tử *Văn hóa Nghệ An* ngày 18/02/2013”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 2 (100). 2013, tr. 121-141.
14. Lê Quý Đôn. *Lê Quý Đôn toàn tập*, Tập II: *Kiến văn tiểu lục*, Phạm Trọng Điềm dịch, chú giải, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977.
15. Nguyễn Nam. “Điện mạo Trần Nhân Tông qua Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn đồ”, tạp chí *Hán Nôm*, số 2 (39), 1999.
16. Nguyễn Nam. “Ngắm tranh như đọc sách, xem phim: Đặc sắc thủ quyển trong hội họa Trung Hoa”, <http://phebinhvanhoc.com.vn> (đưa lên 2/2/2013, truy cập 23/5/2013).
17. Nguyễn Nam. “Hiệu ứng ‘thủ quyển’ trên Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn đồ”, <http://phebinhvanhoc.com.vn> (đưa lên 25/4/2013, truy cập 23/5/2013).
18. Nguyễn Quảng Minh. “Nhân đọc bài *Hiệu ứng ‘thủ quyển’ trên Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn [chị đồ]*”, <http://phebinhvanhoc.com.vn> (đưa lên 8/6/2013, truy cập 22/6/2013).
19. Nguyễn Quảng Minh, François Fabus. “Có chăng tính dị ứng hình ảnh trong chúng ta?”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 4 (102). 2013, tr. 37-60.
20. Nguyễn Xuân Hiên. “La picto-allergie vietnamienne et les gravures du *Technique du peuple annamite*”. In *L’image visuelle et écrite de la chique de bétel traditionnelle au Vietnam*. New York, Sun Publishers, Inc., 2011, pp. 259-288.
21. Phạm Thu Hương. “Phục chế tranh ở Việt Nam: Sự tài hoa đáng khâm phục”, www.anninhthudo.vn/... (đưa lên 24/5/2012, truy cập 28/10/2013).

22. Sullivan, Michael. *Symbols of Eternity - The Art of Landscape Painting in China*. Oxford, Clarendon Press, 1979.
23. Trần Quang Đức. “Đôi nét về Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn [chi] đồ” trong *Ngàn năm áo mũ*, Cty Nhã Nam-Nxb Thế giới, Hà Nội, 2013, tr. 128-132.
24. Trần Trọng Kim. *Việt Nam sử lược*, Quyển II, Bộ Giáo dục, Trung tâm Học liệu xuất bản, 1971, Sài Gòn. Bản in lại của Cơ sở xuất bản Đại Nam, Glendale (California, USA), [s.d.].
25. Trần Văn Chánh. “Từ cách đọc chữ Hán, bàn về một số nhầm lẫn khi đặt thuật ngữ gốc Hán”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 4 (81). 2010, tr. 3-16.
26. Tuymans, Luc en Yu Hui. *Het Verboden Rijk - Wereldbeelden van Chinese en Vlaamse Meesters*. Brussel, Mercatorfonds en BoZarBooks, Paleis voor Schone Kunsten, 2007.
27. Văn Tân (Chủ biên). *Từ điển tiếng Việt*.
28. Wen C. Fong. *Beyond Representation - Chinese Painting and Calligraphy 8th-14th Century*. New York, The Metropolitan Museum of Art and New Haven and London, Yale University Press, 1992.
29. Yang Xin et al. *Three Thousand Years of Chinese Painting*. New Haven & London, Yale University Press and Beijing, Foreign Languages Press, 1997.
30. Zhang Anzhi. *A History of Chinese Painting*. Beijing, Foreign Languages Press, 2002.
31. 徐英章. 元竹林大士出山圖卷. 在辽宁省博物馆藏书画著錄 - 繪画卷. 沈阳市, 辽宁省美術出版社, 1999. 頁241-248.
32. 6164 - 竹林大士出山圖手卷水墨紙本. 在中国书画五手冊. 北京, 北京保利国际拍卖有限公司, 2012.

TÓM TẮT

Sau khi bản sao điện tử (electronic replica) bức họa-thư Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn chi đồ được bán với giá cao bất ngờ tại cuộc bán đấu giá ở Bắc Kinh vào tháng 4/2012, ở Việt Nam đã xuất hiện hàng trăm bài báo cùng nhiều cuộc tọa đàm bàn luận sôi nổi về tác phẩm này, trong đó có không ít ý kiến bình tán “độc đáo bất ngờ”, vượt hẳn giá trị thực của tác phẩm! Trong bài viết này, tác giả cố gắng đưa ra một cách nhìn thực tế, dựa trên việc phân tích bằng các thao tác mang tính “kỹ thuật”, để người đọc có thể tự nhận định đâu là những giá trị thực của tác phẩm. Trước hết là việc làm rõ các khái niệm trong kỹ thuật phục chế một tác phẩm nghệ thuật. Tiếp đến, bằng các thao tác phân tích văn bản học, tác giả bài viết chỉ ra những điểm đáng ngờ hoặc sai lạc trong phần Thư, tập trung vào bài Ký của Dư Đĩnh - chính là người có ảnh hưởng nhiều nhất và quyết định nhất đối với những người đi sau khi nghiên cứu về Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn chi đồ. Những điểm đáng ngờ trong phần Họa cũng được tác giả phân tích, theo đó, tác giả cho rằng không có cơ sở chắc chắn nào để trả lời câu hỏi, vua Trần Anh Tông có thực sự ra đón Đại sĩ Trúc Lâm khi Ngài xuống núi?

Tác giả bài viết cho rằng, việc Wikipedia tiếng Việt xếp tác phẩm này là của Trung Quốc là vì họ dựa vào chính bức tranh chứ không tin vào những gì các học giả, các nhà nghiên cứu nước ta viết/nói, nhiều khi chỉ theo óc suy tưởng.

ABSTRACT

SOME TALK ON THE PAINTING TRÚC LÂM ĐẠI SĨ XUẤT SƠN CHI ĐỒ (THE MAHASATTVA TRÚC LÂM COMING OUT OF THE MOUNTAIN)

After the electronic replica of the painting *Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn chi đồ* (The Mahasattva Trúc Lâm coming out of the mountain) was sold at surprisingly high prices at the auction in Beijing in April 2012, there were hundreds of newspaper articles and some seminars discussing about that painting in Vietnam with many “unique and unexpected” praising comments exceeding the real value of that piece of work.

In this article, the author tries to give a realistic view based on technical methods of analysis so that readers can identify what the real value of the work is. Firstly, the author clarifies the concept of restoration techniques of an art work; then, by textual analysis, the author points out unclear or wrong parts in the writing section, focusing on the narrative of Dư Đĩnh who had the most influential and decisive role in the study of the painting *Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn chi đồ*. The unclear parts in the painting section are also analyzed, in which the author claims that there is no reliable basis to confirm that King Trần Anh Tông really came to meet Mahasattva Trúc Lâm.

In the author's opinion, Wikipedia Vietnamese classifies it as one of Chinese paintings because they do not trust in what Vietnamese scholars and researchers of our country wrote or said.